

BẢN CÔNG BỐ
Cơ sở khám bệnh, chữa bệnh đáp ứng yêu cầu
là cơ sở hướng dẫn thực hành

Kính gửi: Sở Y tế tỉnh Kon Tum

Tên cơ sở hướng dẫn thực hành: **BỆNH VIỆN ĐA KHOA TỈNH KON TUM.**

Giấy phép hoạt động: số 128/SYT-GPHĐ, do Sở Y tế tỉnh Kon Tum, cấp ngày 27/12/2013.

Địa chỉ: 224 Bà Triệu, Phường Quang Trung, thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum.

Người chịu trách nhiệm chuyên môn: BSKII Võ Văn Thiện

Điện thoại liên hệ: 0971 497 179

Email (nếu có): bsthienkontum@gmail.com.

Căn cứ Nghị định số 96/2024/NĐ-CP ngày 30/12/2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều Luật Khám bệnh, chữa bệnh, cơ sở khám bệnh, chữa bệnh đáp ứng yêu cầu là cơ sở hướng dẫn thực hành theo quy định với các nội dung sau đây:

1. Đối tượng hướng dẫn thực hành:

STT	Chức danh	Phạm vi hành nghề
1	Bác sĩ	Y khoa
		Y học cổ truyền
		Y học dự phòng
		Răng hàm mặt
		Chuyên khoa nội khoa
		Chuyên khoa ngoại khoa
		Chuyên khoa sản phụ khoa
		Chuyên khoa nhi khoa
2	Điều dưỡng	Điều dưỡng
3	Kỹ thuật y	Phục hồi chức năng
		Hình ảnh y học
		Xét nghiệm y học
4	Hộ sinh	Hộ sinh

2. Danh sách người hướng dẫn thực hành: gồm 66 người (*Phụ lục kèm theo*)

3. Các nội dung thực hành được ký hợp đồng hợp tác với cơ sở thực hành khác (nếu có): Không.

4. Số lượng người thực hành có thể tiếp nhận để hướng dẫn thực hành

STT	Chức danh	Phạm vi hành nghề	Số lượng
1	Bác sĩ	Y khoa	40
		Y học cổ truyền	10
		Y học dự phòng	10
		Răng hàm mặt	10
		Chuyên khoa nội khoa	20
		Chuyên khoa ngoại khoa	20
		Chuyên khoa sản phụ khoa	10
		Chuyên khoa nhi khoa	10
2	Điều dưỡng	Điều dưỡng	80
3	Kỹ thuật y	Phục hồi chức năng	10
		Hình ảnh y học	10
		Xét nghiệm y học	30
4	Hộ sinh	Hộ sinh	20

5. Chi phí hướng dẫn thực hành:

- Chức danh Bác sĩ: 39.000.000 đồng/người.

3.250.000đ/1 tháng x 12 tháng = 39.000.000đ/người

Đối với các trường hợp có chứng chỉ chuyên khoa cơ bản, đăng ký thực hành theo chuyên khoa tương ứng với chuyên khoa đã được đào tạo trên chứng chỉ, đơn vị sẽ dựa trên thời gian đào tạo của chứng chỉ để tính chi phí thực hành (theo tháng), đảm bảo tổng thời gian đủ 18 tháng.

- Chức danh Điều dưỡng, Hộ sinh và Kỹ thuật y: 18.000.000 đồng/người

Cơ sở cam kết và chịu trách nhiệm trước pháp luật về các nội dung đã công bố.../.

Nơi nhận:

- Như trên;
- TTHCC tỉnh;
- Ban Giám đốc
- Lưu VT, P.QLCL&ĐD.



Võ Văn Thiện



SỞ Y TẾ TỈNH KON TUM
BỆNH VIỆN ĐA KHOA TỈNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH NGƯỜI HƯỚNG DẪN THỰC HÀNH

Số TT	Họ và tên	Văn bằng chuyên môn	Phạm vi hành nghề	Số chứng chỉ hành nghề	Khoa/Bộ phận	Thời gian hành nghề khám bệnh, chữa bệnh
1	Tô Minh Tuấn	Bác sỹ CKII	KB, CB Nội khoa	000070/KT-CCHN	Khoa nội TH	25 năm
2	Phan Thị Mỹ Thịnh	Bác sỹ CKII	KB, CB đa khoa/ Nội khoa	001343/KT-CCHN	Khoa nội TH	18 năm
3	Võ Công Luận	CN điều dưỡng	Thực hiện các KT CM về điều dưỡng	000112/KT-CCHN	Khoa nội TH	36 năm
4	Tôn Thị Cúc	CNDD	Thực hiện các KT CM về điều dưỡng	0002287/GL-CCHN	Khoa nội TH	11 năm
5	Phạm Minh	ThS, BSCKII Nội	KB, CB CK Nội Thực hiện các KT siêu âm tim, tổng quát	000168/KT-CCHN	Khoa Nội TM	26 năm
6	Trần Thị Hoài Phương	Bs CKII Nội	KB, CB đa khoa Thực hiện các KT Siêu âm TQ & siêu âm tim	001307/KT-CCHN	Khoa Nội TM	20 năm
7	Lê Thị Quỳnh Giao	Cử nhân điều dưỡng	Thực hiện các kỹ thuật CM về điều dưỡng	001121/KT-CCHN	Khoa Nội TM	29 năm
8	Nguyễn Hà Nhi	Cử nhân điều dưỡng	Thực hiện phạm vi hoạt động chuyên môn theo quy định tại Thông tư 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015 của Bộ Y tế - Bộ Nội vụ	2423/KT-CCHN	Khoa Nội TM	05 năm
9	Lê Văn Khánh	Bs CKI Nội	KB, CB Nội khoa	000035/KT-CCHN	Khoa Nội Lão học	34 năm
10	Hoàng Công Minh	Bs CKI Lão	KB, CB đa khoa	001265/KT-CCHN	Khoa Nội Lão học	13 năm
11	Nguyễn Thị Trâm	Cử nhân điều dưỡng	Thực hiện các kỹ thuật CM về điều dưỡng	001348/KT-CCHN	Khoa Nội Lão học	19 năm
12	An Thị Tuyết Nhung	Cử nhân điều dưỡng	Thực hiện các KT CM về điều dưỡng	000602/KT-CCHN	Khoa Nội Lão học	18 năm

Số TT	Họ và tên	Văn bằng chuyên môn	Phạm vi hành nghề	Số chứng chỉ hành nghề	Khoa/Bộ phận	Thời gian hành nghề khám bệnh, chữa bệnh
13	Nguyễn Cảnh Sơn	BS CKII Nội tổng quát	Thực hiện kỹ thuật siêu âm tổng quát; Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nội; Thực hiện các kỹ thuật cấp cứu <i>Tim mạch căn bản</i>	000098/KT-CCHN	Khoa Cấp cứu	22 năm
14	Bùi Thái Bình	BS CKI HSCC	KB, CB Nội khoa và HSCC	001250/KT-CCHN	Khoa Cấp cứu	24 năm
15	Trần Văn Chiến	Cử nhân ĐD	Thực hiện các kỹ thuật CM về điều dưỡng	001287/KT-CCHN	Khoa Cấp cứu	12 năm
16	Thái Thanh Lâm	Cử nhân ĐD	Thực hiện phạm vi hoạt động chuyên môn theo quy định tại Thông tư 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015 của Bộ Y tế - Bộ Nội vụ	2714/KT-CCHN	Khoa Cấp cứu	2 năm
17	Võ Khắc Tuấn	Bs CKI HSCC	KB, CB Nội khoa và HSCC	000093/KT-CCHN	Khoa HSTC&CD	32 năm
18	Hà Huyền Chi	ThS, Bs Nội	KB, CB đa khoa	001628/KT-CCHN	Khoa HSTC&CD	11 năm
19	Trần Thái Hải	Cử nhân ĐD CKI	Thực hiện các KTCM về điều dưỡng	001289/KT-CCHN	Khoa HSTC&CD	16 năm
20	Nguyễn Văn Thắng	Cử nhân ĐD	Thực hiện phạm vi hoạt động chuyên môn theo quy định tại Thông tư 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015 của Bộ Y tế - Bộ Nội vụ	001999/KT-CCHN	Khoa HSTC&CD	09 năm
21	Phan Văn Nhật	Bs CKII Ngoại	KB, CB CK Ngoại	000004/KT-CCHN	Khoa Ngoại TH	30 năm
22	Trần Văn Hiền	Bs CKII Ngoại Nhi	KB, CB CK Ngoại	000053/KT-CCHN	Khoa Ngoại TH	20 năm
23	Phan Minh Tuấn,	Bs CKI	Chuyên khoa Ngoại - Tiết niệu; 516/QĐ-BVĐKT về thực hiện Nội soi tiết niệu nâng cao;	001759/KT-CCHN	Khoa Ngoại TH	12 năm
24	Phạm Thị Tươi	Cao đẳng điều dưỡng	Thực hiện phạm vi hoạt động chuyên môn theo quy định tại Thông tư 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015 của Bộ Y tế - Bộ Nội vụ	2345/KT-CCHN	Khoa Ngoại TH	08 năm
25	Nguyễn T.Xuân Nương	Cao đẳng điều dưỡng	Thực hiện các kỹ thuật CM về điều dưỡng	001319/KT-CCHN	Khoa Ngoại TH	22 năm

Số TT	Họ và tên	Văn bằng chuyên môn	Phạm vi hành nghề	Số chứng chỉ hành nghề	Khoa/Bộ phận	Thời gian hành nghề khám bệnh, chữa bệnh
26	Tổng Thị Xuân Phương	Cao đẳng điều dưỡng	Thực hiện phạm vi hoạt động chuyên môn theo quy định tại Thông tư 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015 của Bộ Y tế - Bộ Nội vụ	2753/KT-CCHN	Khoa Ngoại TH	03 năm
27	A Bên	BSCKII Chấn thương chỉnh hình	KB, CB đa khoa chuyên ngành chấn thương chỉnh hình	001341/KT-CCHN	Ngoại CT	14 năm
28	Phạm Thanh Việt	BSCKII Chấn thương chỉnh hình	KB, CB đa khoa chuyên ngành chấn thương chỉnh hình, lồng ngực-mạch máu	001342/KT-CCHN	Ngoại CT	17 năm
29	Nguyễn Thành Lâm	BSCKI Chấn thương chỉnh hình	KB, CB đa khoa chuyên ngành chấn thương chỉnh hình	001577/KT-CCHN	Ngoại CT	12 năm
30	Nguyễn Thị Tuyết Nhung	Cử nhân điều dưỡng	Thực hiện các kỹ thuật CM về điều dưỡng	2684/KT-CCHN	Ngoại CT	4 năm
31	Phạm Thị Vân Anh	Cử nhân điều dưỡng	Thực hiện các kỹ thuật CM về điều dưỡng	001337/KT-CCHN	Ngoại CT	16 năm
32	Lê Thị Nhất	Cử nhân điều dưỡng	Theo qui định tại QĐ số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/04/2005 của BNV về việc ban hành tiêu chuẩn NV ngạch viên chức y tế Điều dưỡng	0003609/GL-CCHN	Ngoại CT	10 năm
33	Nguyễn Duy Khánh	Bs CKI Phụ sản	KB, CB chuyên khoa Phụ sản Thực hiện các KT CM về KHHGD và Siêu âm sản phụ khoa	000100/KT-CCHN	Khoa Phụ sản	35 năm
34	Hoàng Văn Trung	Bác sĩ CKI Phụ sản Thực hiện các KT	KB, CB chuyên khoa phụ sản	001211/KT-CCHN	Khoa Phụ sản	23 năm
35	Lương Duy Phương	BSCKI	KB,CB chuyên khoa Phụ Sản	2271/KT-CCHN	Khoa Phụ Sản	07 năm
36	Nguyễn Thị Hoà	CNHS	Thực hiện các kỹ thuật về chuyên môn hộ sinh	2177/KT - CCHN	Khoa Phụ Sản	08 năm
37	Lê Thị Thúy Vân	Cử nhân điều dưỡng ngành phụ sản	Thực hiện các kỹ thuật CM về Hộ sinh	001143/KT-CCHN	Khoa Phụ sản	18 năm
38	Trương T.Hoài Thương	Cử nhân điều dưỡng ngành phụ sản	Thực hiện các kỹ thuật chuyên môn về hộ sinh	001167/KT-CCHN	Khoa Phụ sản	16 năm
39	Hà Anh Đức	Bs CKI Nhi	KB, CB CK Nhi	000094/KT-CCHN	Khoa Nhi	27 năm

Số TT	Họ và tên	Văn bằng chuyên môn	Phạm vi hành nghề	Số chứng chỉ hành nghề	Khoa/Bộ phận	Thời gian hành nghề khám bệnh, chữa bệnh
40	Mạc Thị Như Thủy	Bs CKI Nhi	KB, CB CK Nhi	000078/KT-CCHN	Khoa Nhi	22 năm
41	Phạm Thị Nguyệt	Bs CKI Nhi	KB, CB CK Nhi	002090/KT-CCHN	Khoa Nhi	8 năm 9 tháng
42	Nguyễn Thị Bích Thủy	Bs CKI Nhi	KB, CB CK Nhi	001857/KT-CCHN	Khoa Nhi	9 năm 5 tháng
43	Trần Thị Tuyết Nhung	Cử nhân điều dưỡng	Thực hiện phạm vi hoạt động chuyên môn theo quy định tại Thông tư liên tịch số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015 của Bộ trưởng Bộ Y tế và Bộ trưởng Bộ Nội vụ	2684/KT-CCHN	Khoa Nhi	19 năm
44	Phan Thị Thanh Tâm	Cử nhân điều dưỡng	Thực hiện phạm vi hoạt động chuyên môn theo quy định tại Thông tư 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015 của Bộ Y tế - Bộ Nội vụ	2152/KT-CCHN	Khoa Nhi	07 năm
45	Nguyễn Thị Thủy Trang	Cao đẳng điều dưỡng	Thực hiện các kỹ thuật chuyên môn về điều dưỡng	001245/KT-CCHN	Khoa Nhi	13 năm 2 tháng
46	Nguyễn Văn Chiến	Bác sĩ CKI. Y học cổ truyền	Khám bệnh, chữa bệnh bằng chuyên khoa Y học cổ truyền	001585/KT-CCHN	Y học cổ truyền	12 năm
47	Trần Thị Mỹ Linh	Bác sĩ CKI. Y học cổ truyền	Khám bệnh, chữa bệnh bằng Y học cổ truyền	2122/KT-CCHN	Y học cổ truyền	09 năm
48	Nguyễn Văn Dũng	Y Sĩ Y học cổ truyền	Khám bệnh, chữa bệnh bằng Y học cổ truyền	001218/KT-CCHN	Y học cổ truyền	27 năm
49	Nguyễn Hoài Nam	Y Sĩ Y học cổ truyền	Khám bệnh, chữa bệnh bằng Y học cổ truyền	001215/KT-CCHN	Y học cổ truyền	13 năm
50	Phan Thúy Hồng	BS.CKI.PHCN	KB, CB Đa khoa	1266/KT-CCHN	Phục hồi chức năng	15 năm
51	Bùi Minh Hưng	BS YHCT	KB,CB Bằng YHCT	2433/KT-CCHN	Phục hồi chức năng	7 năm
52	Trần Tấn Phi	Cử nhân PHCN	Thực hiện CM của Kỹ thuật viên Phục hồi chức năng	2730/KT-CCHN	Phục hồi chức năng	4 năm
53	Võ Nguyễn Bảo Hân	Cử nhân PHCN	Thực hiện CM của Kỹ thuật viên Phục hồi chức năng	2583/KT-CCHN	Phục hồi chức năng	5 năm
54	Hồ Ngọc Linh	BsCKI CDHA	Thực hiện các kỹ thuật chuyên môn về Chẩn đoán hình ảnh	000287/KT-CCHN	Chẩn đoán hình ảnh	30 năm

Số TT	Họ và tên	Văn bằng chuyên môn	Phạm vi hành nghề	Số chứng chỉ hành nghề	Khoa/Bộ phận	Thời gian hành nghề khám bệnh, chữa bệnh
55	Nguyễn Thị Anh Đào	BsCKI CDHA	204/QĐ-SYT Thực hiện các kỹ thuật chuyên môn về Chẩn đoán hình ảnh, TDCN, Nội soi	000087/KT-CCHN	Chẩn đoán hình ảnh	21 năm
56	Nguyễn Nam Hùng	CNCĐHA	Thực hiện các kỹ thuật chuyên môn về Hình ảnh y học	000086/KT-CCHN	Chẩn đoán hình ảnh	30 năm
57	Nguyễn Mỹ Lộc	CNCĐHA	Thực hiện các kỹ thuật chuyên môn về Chẩn đoán hình ảnh	000278/KT-CCHN	Chẩn đoán hình ảnh	26 năm
58	Lê Thị Kim Linh	Bs CKI Xét nghiệm	Thực hiện các kỹ thuật CM về xét nghiệm	000125/KT-CCHN	Khoa HHTM	23 năm
59	Đặng Minh Sơn	Cử nhân xét nghiệm	Thực hiện các kỹ thuật chuyên môn về Xét nghiệm	2292/KT-CCHN	Khoa HHTM	7 năm
60	Hoàng Thị Hải Yến	Cử nhân xét nghiệm	Thực hiện các kỹ thuật chuyên môn về Xét nghiệm	000229/KT-CCHN	Khoa HHTM	25 năm
61	Vũ Thị Thúy Vân	Bs CKI Xét nghiệm	KB, CB đa khoa	001578/KT-CCHN	Khoa Hóa sinh	12
62	Nguyễn Thị Thu Thủy	CNXN	Thực hiện các kỹ thuật chuyên môn về Xét nghiệm	002054/KT-CCHN	Khoa Hóa sinh	9
63	Lê Thị Đỗ Quyên	Cử nhân XN	Thực hiện các kỹ thuật chuyên môn về Xét nghiệm	002087/KT-CCHN	Khoa Hóa sinh	18
64	Nguyễn Thị Ngọc Quyên	BSCKI Xét nghiệm	KB, CB đa khoa, thực hiện xét nghiệm chuyên ngành Vi sinh	000158/KT-CCHN	Khoa Vi sinh	17 năm
65	Bùi Thị Mỹ Huyền	CD Xét nghiệm	Thực hiện các kỹ thuật chuyên môn về xét nghiệm	001134/KT-CCHN	Khoa Vi sinh	17 năm
66	Phan Thị Hồng Duyên	Cử nhân xét nghiệm	Thực hiện các kỹ thuật chuyên môn về Xét nghiệm	000294/KT-CCHN	Khoa Vi sinh	24 năm

Số: /QĐ-BVĐKT

Kon Tum, ngày tháng 4 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành “Chương trình, nội dung thực hành khám bệnh, chữa bệnh đối với Bác sĩ y khoa”

GIÁM ĐỐC BỆNH VIỆN ĐA KHOA TỈNH KON TUM

Căn cứ Quyết định số 31/QĐ-UB ngày 20/3/1992 của UBND tỉnh Kon Tum về việc thành lập Bệnh viện Đa khoa tỉnh trực thuộc Sở Y tế;

Căn cứ Nghị định số 96/2023/NĐ-CP ngày 30/12/2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều về Luật Khám bệnh, chữa bệnh;

Căn cứ Thông tư số 32/2023/TT-BYT ngày 31/12/2023 của Bộ Y tế Quy định chi tiết một số điều của Luật Khám bệnh, chữa bệnh,

Xét đề nghị của Hội đồng xây dựng “Chương trình, nội dung thực hành khám bệnh, chữa bệnh đối với Bác sĩ y khoa” và Trưởng phòng Quản lý chất lượng-Điều dưỡng Bệnh viện.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành chương trình và tài liệu “Chương trình, nội dung thực hành khám bệnh, chữa bệnh đối với Bác sĩ y khoa” thời gian 12 tháng (Có chương trình đào tạo kèm theo).

Điều 2. Tài liệu học tập và giảng dạy được sử dụng chính thức là Bộ tài liệu “Chương trình, nội dung thực hành khám bệnh, chữa bệnh đối với Bác sĩ y khoa” đã được thẩm định trong cuộc họp ngày 18/3/2024 của Hội đồng thẩm định chương trình thực hành khám bệnh, chữa bệnh đối với Bác sĩ y khoa.

Điều 3. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành. Quyết định này thay thế Quyết định số 125/QĐ-BVĐKT ngày 20/3/2024 Ban hành “Chương trình, nội dung thực hành khám bệnh, chữa bệnh đối với Bác sĩ y khoa”

Điều 4. Các ông (bà) Trưởng, phó khoa, phòng, Bác sĩ hướng dẫn thực hành và Bác sĩ y khoa thực hành tại Bệnh viện Đa khoa tỉnh Kon Tum chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

GIÁM ĐỐC

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Ban Giám đốc Bv;
- Lưu: VT, QLCL&ĐD.

Võ Văn Thiện

Phụ lục
Danh mục kỹ thuật chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh của Người hành nghề
chức danh bác sỹ với phạm vi hành nghề y khoa

STT	Số TT theo Thông tư 43/2013/TT-BYT và Thông tư 21/2017/TT-BYT	DANH MỤC KỸ THUẬT
	I	HÔI SỨC TÍCH CỰC VÀ CHỐNG ĐỘC
1.		Mở màng giáp nhãn cấp cứu
2.	2	Ghi điện tim cấp cứu tại giường
3.	3	Theo dõi điện tim cấp cứu tại giường liên tục ≤ 8 giờ
4.	5	Làm test phục hồi máu mao mạch
5.	45	Dùng thuốc chống đông
6.	52	Cầm chảy máu ở lỗ mũi sau bằng ống thông có bóng chèn
7.	53	Đặt canuyn mũi hầu, miệng hầu
8.	57	Thở oxy qua gọng kính ($\square 8$ giờ)
9.	58	Thở oxy qua mặt nạ không có túi ($\square 8$ giờ)
10.	59	Thở ô xy qua mặt nạ có túi có hít lại (túi không có van) ($\square 8$ giờ)
11.	60	Thở oxy qua mặt nạ có túi không hít lại (túi có van) ($\square 8$ giờ)
12.	65	Bóp bóng Ambu qua mặt nạ
13.	74	Mở khí quản qua da một thì cấp cứu ngạt thở
14.	75	Chăm sóc ống nội khí quản
15.	152	Nuôi dưỡng người bệnh liên tục bằng máy, truyền thức ăn qua thực quản, dạ dày
16.	157	Cố định lồng ngực do chấn thương gãy xương sườn
17.	160	Đặt ống thông dẫn lưu bàng quang
18.	164	Thông bàng quang
19.	202	Chọc dịch tủy sống
20.	216	Đặt ống thông dạ dày
21.	218	Rửa dạ dày cấp cứu
22.	219	Rửa dạ dày loại bỏ chất độc bằng hệ thống kín
23.	220	Rửa toàn bộ hệ thống tiêu hóa (dạ dày, tiểu tràng, đại tràng)
24.	222	Thụt giữ
25.	223	Đặt ống thông hậu môn

STT	Số TT theo Thông tư 43/2013/TT-BYT và Thông tư 21/2017/TT-BYT	DANH MỤC KỸ THUẬT
26.	224	Cho ăn qua ống thông dạ dày (một lần)
27.	225	Nuôi dưỡng người bệnh qua ống thông dạ dày bằng bơm tay
28.	229	Nuôi dưỡng người bệnh bằng đường truyền tĩnh mạch ngoại biên ≤ 8 giờ
29.	230	Nuôi dưỡng người bệnh bằng đường truyền tĩnh mạch trung tâm ≤ 8 giờ
30.	240	Chọc dò ổ bụng cấp cứu
31.	245	Cân người bệnh tại giường bằng cân treo hay cân điện tử
32.	246	Đo lượng nước tiểu 24 giờ
33.	251	Lấy máu tĩnh mạch, tiêm thuốc tĩnh mạch (một lần chọc kim qua da)
34.	252	Truyền thuốc, dịch tĩnh mạch ≤ 8 giờ
35.	253	Lấy máu tĩnh mạch bệnh
36.	254	Truyền máu và các chế phẩm máu
37.	266	Xoa bóp phòng chống loét
38.	267	Thay băng cho các vết thương hoại tử rộng (một lần)
39.	269	Băng ép bất động sơ cứu rắn cắn
40.	270	Ga rô hoặc băng ép cầm máu
41.	271	Dùng thuốc kháng độc điều trị giải độc
42.	275	Băng bó vết thương
43.	276	Cố định tạm thời người bệnh gãy xương
44.	277	Cố định cột sống cổ bằng nẹp cứng
45.	278	Vận chuyển người bệnh cấp cứu
46.	279	Vận chuyển người bệnh chấn thương cột sống thắt lưng
47.	280	Vận chuyển người bệnh nặng có thở máy
48.	282	Lấy máu động mạch quay làm xét nghiệm
49.	305	Chăm sóc bệnh nhân thở máy
50.	1227	Nuôi dưỡng người bệnh liên tục bằng máy truyền thức ăn qua ống thông dạ dày ≤ 8 giờ
	II	NỘI KHOA
51.	9	Chọc dò dịch màng phổi

STT	Số TT theo Thông tư 43/2013/TT-BYT và Thông tư 21/2017/TT-BYT	DANH MỤC KỸ THUẬT
52.	10	Chọc tháo dịch màng phổi
53.	11	Chọc hút khí màng phổi
54.	32	Khí dung thuốc giãn phế quản
55.	61	Rút ống dẫn lưu màng phổi, ống dẫn lưu ổ áp xe
56.	85	Điện tim thường
57.	113	Cấp cứu ngừng tuần hoàn hô hấp
58.	150	Hút đờm hầu họng
59.	163	Thay băng các vết loét hoại tử rộng sau TBMMN
60.	167	Chăm sóc sonde dẫn lưu bể thận qua da/lần
61.	170	Chăm sóc và bảo quản catheter tĩnh mạch trung tâm trong lọc máu
62.	171	Chăm sóc và bảo quản catheter đường hầm có cuff để lọc máu
63.	172	Chăm sóc ống dẫn lưu bể thận qua da 24 giờ
64.	215	Gây nôn cho người bệnh ngộ độc qua đường tiêu hóa
65.	221	Thụt tháo
66.	233	Rửa bàng quang
67.	241	Cho ăn qua ống mở thông dạ dày hoặc hồng tràng (một lần)
68.	243	Chọc tháo dịch ổ bụng điều trị
69.	244	Đặt ống sonde dạ dày
70.	314	Siêu âm ổ bụng
71.	337	Thụt thuốc qua đường hậu môn
	III	NHI
72.	51	Ép tim ngoài lồng ngực
73.	77	Đặt ống nội khí quản
74.	87	Theo dõi độ bão hòa ô xy (SPO2)
75.	107	Thủ thuật Heimlich (lấy dị vật đường thở)
76.	110	Thở oxy qua mặt nạ có túi
77.	133	Thông tiểu
78.	134	Hồi sức chống sốc
79.	172	Cho ăn qua ống thông dạ dày

STT	Số TT theo Thông tư 43/2013/TT-BYT và Thông tư 21/2017/TT-BYT	DANH MỤC KỸ THUẬT
80.	178	Đặt sonde hậu môn
81.	180	Nuôi dưỡng người bệnh bằng đường truyền tĩnh mạch ngoại biên
82.	191	Xét nghiệm đường máu mao mạch tại giường
83.	204	Vận chuyển người bệnh an toàn
84.	1409	Kỹ thuật truyền dịch trong sốc
85.	1410	Kỹ thuật truyền máu trong sốc
	X	NGOẠI KHOA
86.	164	Cố định gãy xương sườn bằng băng dính to bản
87.	344	Dẫn lưu bàng quang bằng chọc trocar
88.	359	Dẫn lưu bàng quang đơn thuần
89.	1032	Nẹp bột các loại, không nắn
	XI	BÔNG
90.	4	Thay băng điều trị vết bông từ 10% - 19% diện tích cơ thể ở người lớn
91.	5	Thay băng điều trị vết bông dưới 10% diện tích cơ thể ở người lớn
92.	10	Thay băng điều trị vết bông dưới 10% diện tích cơ thể ở trẻ em
93.	15	Rạch hoại tử bông giải thoát chèn ép
94.	16	Khâu cầm máu, thắt mạch máu để cấp cứu chảy máu trong bông sâu
95.	77	Khám bệnh nhân bông, chẩn đoán diện tích và độ sâu bông bằng lâm sàng
	XIII	PHỤ SẢN
96.	33	Đỡ đẻ thường ngôi chỏm
97.	34	Cắt và khâu tầng sinh môn
98.	35	Xử trí tích cực giai đoạn 3 cuộc chuyển dạ đẻ
99.	36	Nghiệm pháp bong rau, đỡ rau, kiểm tra bánh rau
100.	40	Làm thuốc vết khâu tầng sinh môn nhiễm khuẩn

STT	Số TT theo Thông tư 43/2013/TT-BYT và Thông tư 21/2017/TT-BYT	DANH MỤC KỸ THUẬT
101.	41	Khám thai
102.	164	Khám nam khoa
103.	165	Khám phụ khoa
104.	167	Làm thuốc âm đạo
105.	196	Khám sơ sinh
106.	197	Chăm sóc rốn sơ sinh

SỞ Y TẾ TỈNH KON TUM
BỆNH VIỆN ĐA KHOA TỈNH

CHƯƠNG TRÌNH, NỘI DUNG THỰC HÀNH
ĐỐI VỚI BÁC SĨ Y KHOA

Tên chương trình: Chương trình nội dung thực hành khám bệnh, chữa bệnh đối với Bác sĩ y khoa.

Trình độ đào tạo: Đại học

Ngành đào tạo: Bác sĩ y khoa chưa có chứng chỉ hành nghề

Thời gian: 12 tháng

Kon Tum, năm 2024

CHƯƠNG TRÌNH NỘI DUNG THỰC HÀNH KHÁM BỆNH, CHỮA BỆNH ĐỐI VỚI BÁC SĨ Y KHOA

1. Tên khóa học và giới thiệu chung về khóa học: Chương trình nội dung thực hành khám bệnh, chữa bệnh đối với Bác sĩ y khoa

Chương trình thực hành khám bệnh, chữa bệnh được xây dựng trên các chuẩn năng lực giúp người thực hành sau khi khóa học có khả năng đáp ứng nhu cầu về khám chữa bệnh cho Bác sĩ y khoa trong bệnh viện.

2. Đối tượng, yêu cầu đầu vào đối với học viên

Người có văn bằng Bác sĩ y khoa có nhu cầu thực hành để cấp giấy phép hành nghề chức danh Bác sĩ với phạm vi hành nghề y khoa.

Học viên được tham dự khóa học khi có đủ điều kiện sau:

- Có bằng Bác sĩ y khoa.
- Được cơ quan/đơn vị quản lý cử đi học hoặc đơn xin thực hành của cá nhân (học viên mới tốt nghiệp ra trường)
- Không thuộc một trong các trường hợp sau đây:
 - + Đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự, đang chấp hành bản án, quyết định của Tòa án;
 - + Bị hạn chế năng lực hành vi dân sự.

3. Mục tiêu khóa học

3.1. Mục tiêu chung:

- Nắm được các quy định pháp luật về khám bệnh, chữa bệnh, quy chế chuyên môn, đạo đức hành nghề, an toàn người bệnh, kỹ năng giao tiếp, ứng xử của người hành nghề khám bệnh, chữa bệnh.

- Thực hành khám bệnh, chữa bệnh và thực hiện được các kỹ thuật chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh của Người hành nghề chức danh bác sĩ với phạm vi hành nghề y khoa theo Thông tư số 32/2023/TT-BYT ngày 31/12/2023 của Bộ trưởng Bộ Y tế.

3.1. Mục tiêu cụ thể:

3.1.1. Yêu cầu về kiến thức pháp luật khám bệnh, chữa bệnh:

- Tổ chức, quy định của bệnh viện, chương trình thực hành, phương pháp học thực hành lâm sàng với Bác sĩ y khoa.
- Quy chế chuyên môn, quy chế cấp cứu, chẩn đoán và làm hồ sơ bệnh án, quy chế sử dụng thuốc, quy chế hội chẩn, quy chế kê đơn thuốc trong điều trị ngoại trú và nội trú, quy chế an toàn chuyển viện....
- Quy định về Bảo hiểm y tế;

- Các văn bản pháp lý liên quan đến công tác hành nghề khám bệnh, chữa bệnh.
- An toàn người bệnh và phòng ngừa sự cố y khoa; Kiểm soát nhiễm khuẩn;

3.1.2. Kỹ năng cơ bản trong khám bệnh, chữa bệnh:

- Áp dụng những kiến thức cơ bản, y học cơ sở và kiến thức lâm sàng vào giải quyết các vấn đề về sức khỏe, bệnh lý thường gặp tại tỉnh Kon Tum.
- Thăm khám, tổng hợp và diễn giải thông tin lâm sàng và cận lâm sàng để đưa ra chẩn đoán (chẩn đoán phân biệt và chẩn đoán xác định).
- Lập kế hoạch điều trị và chăm sóc sức khỏe toàn diện cho bệnh nhân.
- Thực hiện được các dịch vụ kỹ thuật cơ bản theo quy định của Bộ Y tế.
- Giao tiếp và phối hợp hiệu quả giữa bệnh nhân, thân nhân người bệnh, đồng nghiệp và cộng đồng thực hành chăm sóc cho người bệnh..
- Thực hiện tổ chức, quản lý và duy trì môi trường làm việc chuyên môn an toàn và hiệu quả.

3.1.3 Yêu cầu về thái độ đạo đức hành nghề, ứng xử người hành nghề:

- Tuân thủ các quy định về pháp lý và chuẩn nghề nghiệp trong việc khám, chữa bệnh cho nhân dân.
- Tôn trọng và chia sẻ với người bệnh, người thân bệnh nhân trong quá trình điều trị cho người bệnh.
- Khiêm tốn và sẵn sàng tiếp nhận những đóng góp từ người bệnh, người nhà người bệnh và đồng nghiệp.
- Trung thực báo cáo những sai sót của bản thân và hệ thống y tế trong thực hành nghề nghiệp.

4. Chương trình chi tiết: (Gồm 1294 giờ: 264 giờ lý thuyết và 1026 giờ thực hành)

Số TT	Tên bài	Mục tiêu bài học	Số tín chỉ/tiết học			
			Tổng số	Lý thuyết	Thực hành	
					Lab	BP (BN)
I	Kiến thức pháp luật khám bệnh, chữa bệnh		16	16		
1	Luật Khám bệnh, chữa bệnh	Luật khám bệnh, chữa bệnh số: 15/2023/QH15 ngày 09/01/2023		2		
2		Luật BHYT số 25/2008/QH12 và số 46/2014/QH13 Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Bảo hiểm y tế		2		

	Luật Bảo hiểm y tế	Nghị định 146/2018/NĐ-CP ngày 17/10/2018 của Chính phủ quy định chi tiết hướng dẫn biện pháp thi hành một số điều Luật BHYT				
3	Quy chế bệnh viện	Quyết định 1895/1997/QĐ-BYT ngày 19/9/1997 của Bộ Y tế về việc ban hành Quy chế bệnh viện		2		
4	Hành nghề khám, chữa bệnh	Nghị định 96/2023/NĐ-CP ngày 30/12/2023 của Chính phủ hướng dẫn chi tiết một số điều Luật khám bệnh, chữa bệnh		2		
5	Phân tuyến kỹ thuật	Thông tư 43/2013/TT-BYT ngày 11/12/2013 và Thông tư 21/2017/TT-BYT ngày 10/5/2017		2		
6	An toàn người bệnh	Quyết định số 56/QĐ-K2ĐT ngày 16/5/2014 của Cục Khoa học công nghệ và Đào tạo về việc ban hành chương trình và tài liệu đào tạo “An toàn người bệnh”		2		
7	Kiểm soát nhiễm khuẩn	Thông tư số 16/2018/TT-BYT ngày 20/7/2018 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định về kiểm soát nhiễm khuẩn trong các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh		2		
8	Quy chế giao tiếp	Thông tư số 07/2014/TT-BYT ngày 25/02/2014 của Bộ Y tế Quy định về Quy tắc ứng xử của công chức, viên chức, người lao động làm việc tại các cơ sở y tế		2		
II	Kiến thức, kỹ năng đã được đào tạo cho Bác sĩ y khoa					
1	Khoa HSTC&CD		528	32		480
1.1	Chẩn đoán và xử trí chung với ngộ độc cấp	1. Trình bày các nhóm công việc xử trí ngộ độc cấp. 2. Trình bày cấp cứu ban đầu và chẩn đoán ngộ độc cấp. 3. Trình bày các biện pháp hạn chế hấp thu, biện pháp tăng thải trừ độc chất, sử dụng thuốc giải độc với bệnh nhân ngộ độc cấp.		8		120

1.2	Chẩn đoán và xử trí suy hô hấp cấp	1. Trình bày định nghĩa, nguyên nhân của suy hô hấp. 2. Trình bày triệu chứng lâm sàng, cận lâm sàng của suy hô hấp. 3. Trình bày chẩn đoán xác định, chẩn đoán nguyên nhân, chẩn đoán mức độ của suy hô hấp. 4. Trình bày nguyên tắc xử trí, hướng xử trí ban đầu và xử trí tại bệnh viện của suy hô hấp. 5. Trình bày tiên lượng, biến chứng và phòng bệnh của suy hô hấp.		8		120
1.3	Hồi sức tim phổi ở người lớn và trẻ em	Nắm được các bước hồi sức cơ bản ban đầu cho người lớn và trẻ em		8		120
1.4	Tiếp cận bệnh nhân sốc	1. Trình bày định nghĩa, phân loại, nguyên nhân và sinh lý bệnh của sốc 2. Trình bày biểu hiện lâm sàng, thăm khám và tiếp cận ban đầu của sốc 3. Trình bày mục tiêu và hướng xử trí của sốc		8		120
2	Nội Tim mạch		150	40		110
2.1.	Các bước đọc điện tâm đồ	1. Đo và nhận biết được các sóng cơ bản điện tim đồ 2. Nhận dạng một số bất thường về cấu trúc 3. Nhận biết một số rối loạn nhịp đơn giản	30	8		22
2.2.	Chẩn đoán và điều trị tăng huyết áp	1. Biết phân độ THA, xác định các yếu tố nguy cơ, xác định tổn thương cơ quan đích. 2. Phân tầng nguy cơ và điều trị THA. 3. Biết sử dụng thuốc THA trong các trường hợp đặc biệt	30	8		22
2.3.	Chẩn đoán và xử trí suy tim cấp	1. Nắm được các triệu chứng và dấu hiệu của suy tim cấp 2. Đánh giá và tiên lượng các thể lâm sàng của suy tim cấp 3. Xử trí ban đầu trong các trường	30	8		22

		hợp suy tim cấp				
2.4.	Xử trí hội chứng mạch vành cấp	1. Xác định được các triệu chứng lâm sàng và cận lâm sàng để chẩn đoán HCMVC 2. Xử trí sơ bộ trước khi đến bệnh viện và khoa cấp cứu HCMVC 3. Đưa ra được phác đồ điều trị tại Bệnh viện và lâu dài sau khi cấp cứu	30	8		22
2.5.	Hội chứng động mạch vành mạn	1. Khai thác được tiền sử và khám bệnh nhân HCMVM 2. Thực hiện được từng bước để chẩn đoán và đưa ra quyết định cận lâm sàng ở bệnh nhân HCMVM 3. Đưa ra phác đồ điều trị và dự phòng bệnh lý HCMVM	30	8		22
3.	Nội tổng hợp		150	40		110
3.1.	Bệnh đái tháo đường	1. Sàng lọc được đối tượng nguy cơ, chẩn đoán, biến chứng bệnh đái tháo đường. 2. Biết nguyên tắc điều trị và sử dụng một số nhóm thuốc cơ bản điều trị bệnh đái tháo đường.	30	8		22
3.2	Hen phế quản	1. Nêu các yếu tố dễ tạo ra cơn hen nặng. 2. Nêu các tiêu chí đánh giá mức độ nặng ở bệnh nhân hen phế quản 3. Thực hiện xử trí trường hợp hen phế quản nặng.	30	8		22
3.3	Nhiễm trùng đường mật	1. Nêu được các tiêu chuẩn lâm sàng và cận lâm sàng để chẩn đoán Nhiễm trùng đường mật. 2. Biết cách điều trị được trường hợp Nhiễm trùng đường mật.	30	8		22
3.4	Viêm thận bể thận	1. Nêu được các tiêu chuẩn chẩn đoán, chẩn đoán phân biệt Viêm thận - bể thận cấp 2. Biết cách điều trị được trường hợp bệnh Viêm thận - bể thận cấp	30	8		22
3.5	Viêm tụy cấp	1. Nêu được các triệu chứng lâm sàng và cận lâm sàng giúp chẩn đoán	30	8		22

		bệnh Viêm tụy cấp. 2. Kể thang điểm Ranson trong đánh giá mức độ nặng Viêm tụy cấp. 3. Thực hiện điều trị được trường hợp Viêm tụy cấp.				
2	Ngoại khoa		192	64		128
2.1.	Đại cương về gãy xương và sơ cứu	1. Trình bày được chẩn đoán xác định gãy xương. 2. Trình bày được sinh lý quá trình liền xương. 3. Trình bày được các nguyên tắc điều trị gãy xương.	30	8		22
2.2.	Điều trị gãy xương kín	1. Trình bày được chẩn đoán xác định gãy xương. 2. Trình bày được các kiểu gãy xương 3. Hiểu được cơ chế chấn thương và các nguyên nhân gây gãy xương.	30	8		22
2.3.	Gãy xương hở	1. Trình bày được định nghĩa, nguyên nhân, đặc điểm chung, phân loại gãy xương hở. 2. Mô tả được triệu chứng lâm sàng, hình ảnh X- Quang của gãy xương hở. 3. Trình bày được phương pháp điều trị, tiến triển, biến chứng và dự phòng của gãy xương hở. 4. Nhận thức được gãy xương hở là một cấp cứu cần được xử trí một cách khẩn trương và đúng kỹ thuật.	30	8		22
2.4.	Tắc ruột	1. Phân biệt được tắc ruột cơ học và tắc ruột cơ năng. 2. Trình bày được các triệu chứng của tắc ruột cơ học. 3. Chẩn đoán được hội chứng tắc ruột.	30	8		22
2.5.	Thủng dạ dày	1. Trình bày được nguyên nhân, triệu chứng, biến chứng của thủng dạ dày. 2. Trình bày tiêu chuẩn chẩn đoán của thủng dạ dày.	30	8		22

		3. Trình bày cách điều trị thủng dạ dày.				
2.6.	Viêm ruột thừa cấp	1. Trình bày được triệu chứng, biến chứng của viêm ruột thừa cấp. 2. Trình bày được tiêu chuẩn chẩn đoán của ruột thừa viêm cấp. 3. Trình bày các bước xử trí ruột thừa viêm cấp ở tuyến y tế cơ sở.	30	8		22
2.7.	Lồng ruột cấp tính ở nhũ nhi	1. Nêu được định nghĩa của lồng ruột 2. Chẩn đoán được lồng ruột 3. Nêu được nguyên tắc điều trị lồng ruột	30	8		22
2.8.	Chấn thương và vết thương bụng	1. Mô tả được triệu chứng để chẩn đoán chấn thương và vết thương bụng 2. Trình bày được 2 hội chứng gặp chủ yếu trong chấn thương bụng hội chứng chảy máu trong và hội chứng viêm phúc mạc 3. Xử trí ban đầu ở tuyến cơ sở.	30	8		22
3	Khoa Phụ sản		150	40		110
3.1.	Chăm sóc trước sinh	1. Biết được cách đăng kí thai. 2. Biết được qui trình chín bước khám thai 3. Lập được kế hoạch chăm sóc trước sinh.	30	8		22
3.2.	Chăm sóc sau sinh	1. Định nghĩa được thời kì hậu sản. 2. Trình bày được sự co hồi tử cung trong những ngày đầu hậu sản. 3. Mô tả tính chất của sản dịch. 4. Nội dung chăm sóc bà mẹ , trẻ sơ sinh tuần đầu và 6 tuần sau sinh	30	8		22
3.3	Đỡ đẻ thường ngôi chỏm	1. Nắm được chỉ định và chống chỉ định của việc đỡ đẻ thường ngôi chỏm. 2. Chuẩn bị dụng cụ, vật tư , thuốc cần thiết cho cuộc đẻ. 3. Các bước tiến hành cuộc đỡ đẻ. 4. Kỹ thuật đỡ đẻ ngôi chỏm.	30	8		22

3.4	Xử trí đẻ rơi	1. Khái niệm thế nào là đẻ rơi. 2. Xử trí an toàn cho mẹ và bé bị đẻ rơi.	30	8		22
3.5	Chửa ngoài tử cung	1. Kể được các vị trí có thể có của thai ngoài tử cung. 2. Trình bày được các triệu chứng lâm sàng và cận lâm sàng của thai ngoài tử cung. 3. Biết được các hình thái của thai ngoài tử cung. 4. Trình bày được cách điều trị thai ngoài tử cung.	30	8		22
4	Khoa Nhi					
4.1	Viêm phế quản phổi	1. Tiếp cận và chẩn đoán viêm phế quản phổi ở trẻ em 2. Nắm được một số tác nhân viêm phế quản phổi theo lứa tuổi 3. Phân độ, điều trị bệnh nhân viêm phế quản phổi	30	8		22
4.2	Hen phế quản	1. Tiếp cận và chẩn đoán hen trẻ em 2. Điều trị cơn hen cấp 3. Đánh giá độ nặng, mức độ kiểm soát và phòng ngừa hen ở trẻ em	30	8		22
4.3	Viêm thanh khí phế quản cấp	1. Tiếp cận và chẩn đoán viêm thanh quản cấp ở trẻ em 2. Nêu được một số chẩn đoán phân biệt thường gặp 3. Điều trị bệnh nhân viêm thanh quản cấp	30	8		22
4.4	Suy dinh dưỡng	1. Tiếp cận và chẩn đoán bệnh nhân suy dinh dưỡng 2. Điều trị bệnh nhân suy dinh dưỡng	30	8		22

5. Tiêu chuẩn người hướng dẫn

5.1. Tiêu chuẩn người hướng dẫn thực hành

Người hướng dẫn thực hành phải đáp ứng các điều kiện sau đây:

- Có chứng chỉ hành nghề;
- Có phạm vi hoạt động chuyên môn phù hợp với văn bằng của người thực hành, có trình độ đào tạo tương đương hoặc cao hơn người thực hành và có thời gian hành nghề khám bệnh, chữa bệnh liên tục từ 03 năm trở lên.

5.2. Trách nhiệm

- Tuân thủ sự phân công hướng dẫn thực hành của người đứng đầu cơ sở hướng dẫn thực hành.
- Hướng dẫn thực hành khám bệnh, chữa bệnh cho người thực hành;
- Trường hợp vượt quá khả năng chuyên môn hoặc có lý do chính đáng khác, người hướng dẫn thực hành được từ chối hướng dẫn thực hành và phải báo cáo người đứng đầu cơ sở hướng dẫn thực hành.
- Bảo đảm an toàn cho người bệnh trong quá trình hướng dẫn thực hành. Chịu trách nhiệm trong trường hợp người thực hành gây sai sót chuyên môn trong quá trình thực hành, gây ảnh hưởng đến sức khỏe của người bệnh do lỗi của người hướng dẫn thực hành.
- Theo dõi, đánh giá và nhận xét về kết quả thực hành của người thực hành theo nội dung đã được phân công và chịu trách nhiệm về nội dung nhận xét của mình.

6. Hướng dẫn tổ chức thực hiện chương trình

6.1. Tổ chức khóa học:

- Trong quá trình tổ chức khóa học, học viên sẽ được theo dõi, đánh giá về ý thức học tập, đánh giá qua các bài tập nhóm qua từng bài học.
- Học lý thuyết tập trung cả lớp tại hội trường/buồng giao ban khoa/phòng.
- Học thực hành tại các khoa lâm sàng
- Khi tổ chức lớp học cần xây dựng nội quy, bầu lớp trưởng và lớp phó.

6.2. Phân bố thời gian:

Tổng thời gian thực hành khám bệnh, chữa bệnh là 12 tháng được phân bổ như sau:

- Thời gian thực hành khám bệnh, chữa bệnh về Hồi sức cấp cứu: 03 tháng;
- Thời gian thực hành khám bệnh, chữa bệnh về Ngoại khoa: 03 tháng;
- Thời gian thực hành khám bệnh, chữa bệnh Nội khoa: 03 tháng;
- Thời gian thực hành khám bệnh, chữa bệnh Sản và Nhi: 03 tháng;

7. Đánh giá và cấp giấy xác nhận thực hành

7.1. Các hình thức đánh giá trong khóa học:

- Học viên sẽ được kiểm tra đầu khóa học để đánh giá chất lượng học viên đầu vào.

- Trong quá trình tổ chức khóa học, học viên sẽ được theo dõi, đánh giá về ý thức học tập.

- Đánh giá kỹ năng thực hành tại các buổi thực hành tại các địa điểm được thực hành.

- Kết thúc khóa học sẽ thực hiện bài đánh giá cuối khóa học.

- Tổng hợp các kết quả đánh giá, Ban Tổ chức sẽ căn cứ để xếp loại học viên hoàn thành các phần đánh giá.

7.2. Cấp Giấy xác nhận thời gian thực hành tại cơ sở thực hành:

Học viên hoàn thành khoá học đủ thời gian và đạt yêu cầu sẽ được cấp Giấy xác nhận quá trình thực hành cho người đã hoàn thành thời gian thực hành

a) Điều kiện được cấp giấy xác nhận

- Chuẩn bị đầy đủ những nội dung theo yêu cầu trước khóa học.

- Không vắng quá 12 ngày trong thời gian thực hành.

- Hoàn thành bài tập về nhà được giao trong quá trình học.

- Hoàn thành bài kiểm tra lượng giá cuối khóa học, trong đó điểm đánh giá kiểm tra toàn khóa đạt yêu cầu trên 60% tổng số điểm, bao gồm:

b) Tỷ lệ đánh giá trong khóa học

- Tham gia đầy đủ các buổi học: 20%.

- Tham gia tích cực các bài tập thực hành: 20%.

- Điểm thi kiểm tra cuối khóa học: 60%.

8. Chỉ tiêu thực hành (kỹ năng cần đạt khi kết thúc khoá học).

(có phụ lục kèm theo)

BAN SOẠN THẢO CHƯƠNG TRÌNH

Số: /QĐ-BVĐKT

Kon Tum, ngày tháng 4 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành “Chương trình, nội dung thực hành khám bệnh, chữa bệnh đối với điều dưỡng, hộ sinh”

GIÁM ĐỐC BỆNH VIỆN ĐA KHOA TỈNH KON TUM

Căn cứ Quyết định số 31/QĐ-UB ngày 20/3/1992 của UBND tỉnh Kon Tum về việc thành lập Bệnh viện Đa khoa tỉnh trực thuộc Sở Y tế;

Căn cứ Nghị định số 96/2023/NĐ-CP ngày 30/12/2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều về Luật Khám bệnh, chữa bệnh;

Căn cứ Thông tư số 32/2023/TT-BYT ngày 31/12/2023 của Bộ Y tế Quy định chi tiết một số điều của Luật Khám bệnh, chữa bệnh,

Xét đề nghị của Hội đồng xây dựng “Chương trình, nội dung thực hành khám bệnh, chữa bệnh đối với Điều dưỡng, Hộ sinh” và Trưởng phòng Quản lý chất lượng-Điều dưỡng Bệnh viện.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành chương trình và tài liệu “Chương trình, nội dung thực hành khám bệnh, chữa bệnh đối với Điều dưỡng, Hộ sinh” thời gian 06 tháng (Có chương trình đào tạo kèm theo).

Điều 2. Tài liệu học tập và giảng dạy được sử dụng chính thức là Bộ tài liệu “Chương trình, nội dung thực hành khám bệnh, chữa bệnh đối với Điều dưỡng, Hộ sinh” đã được thẩm định trong cuộc họp ngày 26/3/2024 của Hội đồng thẩm định chương trình thực hành khám bệnh, chữa bệnh đối với Điều dưỡng, Hộ sinh.

Điều 3. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

Điều 4. Các ông (bà) Trưởng, phó khoa, phòng, Bác sĩ hướng dẫn thực hành và Điều dưỡng, Hộ sinh thực hành tại Bệnh viện Đa khoa tỉnh Kon Tum chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

GIÁM ĐỐC

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Ban Giám đốc BV;
- Lưu: VT, QLCL&ĐD.

Võ Văn Thiện

Phụ lục số I
Danh mục kỹ thuật chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh
của Người hành nghề chức danh điều dưỡng

TT	Mã TT 43, 21	Danh mục kỹ thuật	BS chỉ định và điều dưỡng thực hiện độc lập	ĐD ra chỉ định và thực hiện độc lập
		I. Chương chung		
1	22.509	Chăm sóc catheter cố định		X
2	1.11	Chăm sóc catheter động mạch		X
3	1.10	Chăm sóc catheter tĩnh mạch		X
4	1.323	Chăm sóc catheter tĩnh mạch trung tâm		X
5	2.169	Chăm sóc catheter TMTT trong lọc máu		X
6	1.76	Chăm sóc lỗ mở khí quản (một lần)	X	X
7	1.75	Chăm sóc ống nội khí quản (một lần)	X	X
8	12.334	Chăm sóc ống thông bàng quang		X
9	2.241	Cho ăn qua ống mở thông dạ dày hoặc hồng tràng (một lần)	X	X
10	1.224	Cho ăn qua ống thông dạ dày (một lần)	X	X
11	1.6	Đặt catheter tĩnh mạch ngoại biên	X	X
12	1.216	Đặt ống thông dạ dày	X	
13	1.160	Đặt ống thông dẫn lưu bàng quang	X	X
14	1.223	Đặt ống thông hậu môn	X	
15	21.14	Điện tim thường	X	
16	22.286	Định nhóm máu hệ ABO bằng giấy định nhóm máu để truyền chế phẩm tiểu cầu hoặc huyết tương	X	X
17	22.285	Định nhóm máu hệ ABO bằng giấy định nhóm máu để truyền máu toàn phần, khối hồng cầu, khối bạch cầu	X	X
18	22.288	Định nhóm máu hệ ABO trên thẻ định nhóm máu (đã có sẵn huyết thanh mẫu) để truyền chế phẩm tiểu cầu hoặc huyết tương	X	X
19	22.287	Định nhóm máu hệ ABO trên thẻ định nhóm máu (đã có sẵn huyết thanh mẫu) để truyền máu toàn phần, khối hồng cầu, khối bạch cầu	X	X
20	22.502	Định nhóm máu tại giường bệnh trước truyền máu	X	X

TT	Mã TT 43, 21	Danh mục kỹ thuật	BS chỉ định và điều dưỡng thực hiện độc lập	ĐD ra chỉ định và thực hiện độc lập
21	2.195	Đo lượng nước tiểu 24 giờ	X	X
22	1.2	Ghi điện tim cấp cứu tại giường	X	X
23	2.149	Gội đầu cho người bệnh trong các bệnh thần kinh tại giường		X
24	2.150	Hút đờm hầu họng	X	X
25	1.56	Hút đờm qua ống nội khí quản/canuyn mở khí quản bằng ống thông kín (có thở máy) (một lần hút)	X	X
26	1.54	Hút đờm qua ống nội khí quản/canuyn mở khí quản bằng ống thông một lần ở người bệnh không thở máy (một lần hút)	X	X
27	1.55	Hút đờm qua ống nội khí quản/canuyn mở khí quản bằng ống thông một lần ở người bệnh có thở máy (một lần hút)	X	X
28	2.641	Hướng dẫn người bệnh sử dụng bình hít định liều	X	X
29	2.642	Hướng dẫn người bệnh sử dụng bình xịt định liều	X	X
30	2.30	Kỹ thuật ho khạc đờm bằng khí dung nước muối ưu trương	X	X
31	2.29	Kỹ thuật tập thở cơ hoành	X	X
32	2.31	Kỹ thuật vỗ rung dẫn lưu tư thế	X	X
33	11.176	Kỹ thuật xoay chuyển bệnh nhân dự phòng loét tỳ đè		X
34	15.222	Khí dung mũi họng	X	
35	1.86	Khí dung thuốc cấp cứu (một lần)	X	X
36		Khí dung thuốc giãn phế quản	X	
37	1.87	Khí dung thuốc qua thở máy (một lần)	X	
38	2.151	Lấy máu tĩnh mạch bẹn		X
39	9.133	Lưu kim luồn tĩnh mạch để tiêm thuốc	X	X
40	9.141	Nuôi dưỡng bằng đường tĩnh mạch	X	
41	1.229	Nuôi dưỡng người bệnh bằng đường truyền tĩnh mạch ngoại biên ≤ 8 giờ	X	X
42	1.230	Nuôi dưỡng người bệnh bằng đường truyền tĩnh mạch trung tâm ≤ 8 giờ	X	X

TT	Mã TT 43, 21	Danh mục kỹ thuật	BS chỉ định và điều dưỡng thực hiện độc lập	ĐD ra chỉ định và thực hiện độc lập
43	1.227	Nuôi dưỡng người bệnh liên tục bằng máy truyền thức ăn qua ống thông dạ dày ≤ 8 giờ	X	X
44	2.152	Nuôi dưỡng người bệnh liên tục bằng máy, truyền thức ăn qua thực quản, dạ dày	X	
45	1.228	Nuôi dưỡng người bệnh qua lỗ mở dạ dày (một lần)	X	X
46	1.226	Nuôi dưỡng người bệnh qua ống thông hồng tràng ≤ 8 giờ	X	X
47	9.142	Nuôi dưỡng qua ống thông dạ dày		X
48	9.143	Nuôi dưỡng qua ống thông hồng tràng		X
49	2.233	Rửa bàng quang	X	
50	1.218	Rửa dạ dày cấp cứu	X	X
51	9.150	Săn sóc theo dõi ống thông tiểu		X
52	12.79	Sơ cứu, cấp cứu tổn thương bỏng nhiệt+	X	X
53	2.163	Thay băng các vết loét hoại tử rộng sau TBMMN	X	X
54	11.116	Thay băng điều trị vết thương mạn tính	X	X
55	15.303	Thay băng vết mổ	X	X
56	9.156	Theo dõi áp lực tĩnh mạch trung tâm	X	X
57	1.3	Theo dõi điện tim cấp cứu tại giường liên tục ≤ 8 giờ	X	X
58	9.176	Theo dõi huyết áp không xâm lấn bằng máy	X	X
59	1.1	Theo dõi huyết áp liên tục không xâm nhập tại giường ≤ 8 giờ	X	X
60	9.175	Theo dõi SpO ₂		X
61	2.164	Theo dõi SPO ₂ liên tục tại giường	X	X
62	1.28	Theo dõi SPO ₂ liên tục tại giường ≤ 8 giờ	X	X
63	9.171	Theo dõi thân nhiệt với nhiệt kế thường qui		X
64	1.62	Thở oxy dài hạn điều trị suy hô hấp mạn tính ≤ 8 giờ	X	
65	1.57	Thở oxy qua gọng kính (≤ 8 giờ)	X	X

TT	Mã TT 43, 21	Danh mục kỹ thuật	BS chỉ định và điều dưỡng thực hiện độc lập	ĐD ra chỉ định và thực hiện độc lập
66	1.60	Thở oxy qua mặt nạ có túi không hít lại (túi có van) (£ 8 giờ)	X	X
67	1.58	Thở oxy qua mặt nạ không có túi (£ 8 giờ)	X	X
68	9.185	Thở oxy qua mũ kín	X	X
69	1.61	Thở oxy qua ống chữ T (T-tube) (£ 8 giờ)	X	X
70	1.59	Thở ô xy qua mặt nạ có túi có hít lại (túi không có van) (£ 8 giờ)	X	X
71	1.222	Thụt giữ	X	
72	2.338	Thụt tháo chuẩn bị sạch đại tràng	X	
73	2.339	Thụt tháo phân	X	X
74	9.196	Truyền dịch thường qui	X	
75	9.197	Truyền dịch trong sốc	X	
76	22.679	Truyền khối tiểu cầu có sử dụng bộ lọc bạch cầu tại giường	X	
77	9.198	Truyền máu hoặc sản phẩm máu thường qui	X	
78	22.501	Truyền máu tại giường bệnh (bệnh nhân điều trị nội - ngoại trú)	X	
79	22.677	Truyền máu toàn phần có sử dụng bộ lọc bạch cầu tại giường	X	
80	9.200	Truyền máu trong sốc	X	
81	9.204	Vệ sinh miệng ở bệnh nhân hồi sức		X
82	2.165	Vệ sinh răng miệng bệnh nhân thần kinh tại giường		X
83	2.166	Xoa bóp phòng chống loét trong các bệnh thần kinh (một ngày)		X
84	9.124	Xoay trở bệnh nhân thở máy	X	X
		II. Nội khoa. Nội Tiết. Dị ứng miễn dịch lâm sàng		
85	7.234	Cắt móng chân, chăm sóc móng trên người bệnh đái tháo đường		X
86	22.681	Chăm sóc bệnh nhân điều trị trong phòng ghép tế bào gốc		X
87	2.653	Chăm sóc da cho người bệnh dị ứng thuốc nặng		X

TT	Mã TT 43, 21	Danh mục kỹ thuật	BS chỉ định và điều dưỡng thực hiện độc lập	ĐD ra chỉ định và thực hiện độc lập
88	2.172	Chăm sóc ống dẫn lưu bể thận qua da 24 giờ		X
89	2.630	Chăm sóc răng miệng cho người bệnh Lyell		X
90	2.629	Chăm sóc răng miệng cho người bệnh Stevens -Johnson		X
91	2.167	Chăm sóc sonde dẫn lưu bể thận qua da/lần		X
92	2.168	Chăm sóc sonde dẫn lưu tụ dịch- máu quanh thận/lần	X	X
93	2.171	Chăm sóc và bảo quản catheter đường hầm có cuff để lọc máu	X	X
94	2.170	Chăm sóc và bảo quản catheter tĩnh mạch trung tâm trong lọc máu	X	X
95	2.632	Chăm sóc vệ sinh da cho người bệnh Lyell		X
96	2.631	Chăm sóc vệ sinh da cho người bệnh Stevens -Johnson		X
97	21.30	Điện cơ vùng đáy chậu (EMG)	X	
98	2.144	Ghi điện cơ cấp cứu	X	
99	21.37	Ghi điện não đồ vi tính	X	
100	11.180	Kỹ thuật sử dụng băng chun băng ép trong điều trị vết loét do giãn tĩnh mạch chi dưới	X	X
101	2.509	Kỹ thuật truyền một số thuốc sinh học	X	
102	2.621	Khí máu - điện giải trên máy I-STAT-1 - ABBOTT	X	
103	1.88	Làm ẩm đường thở qua máy phun sương mù	X	X
104	2.640	Nuôi dưỡng người bệnh Lyell qua đường tĩnh mạch	X	
105	2.638	Nuôi dưỡng người bệnh Lyell qua đường miệng	X	
106	2.639	Nuôi dưỡng người bệnh Stevens - Johnson qua đường tĩnh mạch	X	
107	2.482	Rút catheter tĩnh mạch trung tâm ở bệnh nhân sau ghép thận	X	

TT	Mã TT 43, 21	Danh mục kỹ thuật	BS chỉ định và điều dưỡng thực hiện độc lập	ĐD ra chỉ định và thực hiện độc lập
108	22.499	Rút máu để điều trị	X	
109	7.241	Tư vấn chế độ dinh dưỡng và tập luyện	X	X
110	2.518	Truyền Actemra	X	
111	2.623	Truyền Cyclophosphamide pulse therapy	X	
112	2.627	Truyền Endoxan	X	
113	2.624	Truyền IVIg	X	
114	2.626	Truyền kháng thể đơn dòng	X	
115	22.682	Truyền khối tế bào gốc tạo máu	X	
116	2.625	Truyền Pulse Therapy Corticoid	X	
117	2.517	Truyền Remicade	X	
118	22.500	Truyền thay máu	X	
119	22.510	Truyền thuốc chống ung thư đường tĩnh mạch	X	
120	2.634	Vệ sinh vùng hậu môn sinh dục cho người bệnh Lyell		X
121	2.633	Vệ sinh vùng hậu môn sinh dục cho người bệnh Stevens -Johnson		X
122	2.646	Vỗ rung cho người bệnh Hen phế quản		X
123	2.647	Vỗ rung cho người bệnh Lupus ban đỏ hệ thống		X
124	2.648	Vỗ rung cho người bệnh Xơ cứng bì		X
		III. Ngoại khoa. Bỏng. Tạo hình thẩm mỹ		
125	10.992	Bột Corset Minerve,Cravate	X	X
126	9.89	Đặt dây truyền dịch ngoại vi điều trị bệnh nhân bỏng	X	
127	11.131	Đặt vị thế cho bệnh nhân bỏng	X	X
128	10.986	Nắn, bó bột gãy cổ xương đùi, vỡ ổ cối và trật khớp háng	X	
129	10. 1009	Nắn, bó bột gãy xương bàn, ngón tay	X	
130	10. 1032	Nẹp bột các loại, không nắn	X	
131	2.232	Rửa bàng quang lấy máu cục	X	
132	11.13	Sử dụng thuốc tạo màng điều trị vết thương bỏng nông	X	
133	11.97	Tắm điều trị bệnh nhân bỏng	X	X

TT	Mã TT 43, 21	Danh mục kỹ thuật	BS chỉ định và điều dưỡng thực hiện độc lập	ĐD ra chỉ định và thực hiện độc lập
134	11.12	Thay băng chăm sóc vùng lấy da	X	X
135	11.5	Thay băng điều trị vết bỏng dưới 10% diện tích cơ thể ở người lớn	X	X
136	11.10	Thay băng điều trị vết bỏng dưới 10% diện tích cơ thể ở trẻ em	X	X
137	11.4	Thay băng điều trị vết bỏng từ 10% - 19% diện tích cơ thể ở người lớn	X	X
138	2.508	Thay băng vết loét do vỡ hạt topho	X	X
139	9.91	Theo dõi chăm sóc người bệnh bỏng nặng	X	X
140	12.80	Xử lý tại chỗ khi đầu tổn thương bỏng	X	X

Phụ lục số II
Danh mục kỹ thuật chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh
của Người hành nghề chức danh hộ sinh

TT	Số TT theo Thông tư 43/2013/TT-BYT và Thông tư 21/2017/TT-BYT	Danh mục kỹ thuật	Bác sỹ chỉ định và hộ sinh thực hiện độc lập	Hộ sinh ra chỉ định và thực hiện độc lập
I		TRƯỚC SINH		
1.	13.41	Khám thai	x	x
2.	13.29	Soi ối	x	
		TRONG SINH		
3.	13.39	Kỹ thuật bấm ối	x	x
4.	13.21	Nghiệm pháp lọt ngôi chỏm	x	
5.	13.33	Đỡ đẻ thường ngôi chỏm		x
6.	13.35	Xử trí tích cực giai đoạn 3 cuộc chuyển dạ	x	x
7.	13.36	Thực hiện nghiệm pháp bong rau, đỡ rau, kiểm tra bánh rau	x	x
8.	13.34	Cắt và khâu tầng sinh môn		x
		SAU SINH		
9.	13.30	Khâu phục hồi rách âm đạo, tầng sinh môn độ 1, 2,	x	x
10.	13.30	Xử trí vết rách cổ tử cung đơn thuần *	x	x
11.	13.31	Cặp, kéo cổ tử cung cầm máu sau đẻ; sau sảy; sau nạo	x	
12.	13.14	Lấy khối máu tụ âm đạo; tầng sinh môn với kích thước < 2x3 cm		x
13.	13.167	Làm thuốc âm hộ; âm đạo sau đẻ		x
14.	13.167	Làm thuốc tầng sinh môn sau đẻ		x
15.	13.40	Làm thuốc vết khâu tầng sinh môn nhiễm khuẩn		x
16.	13,54	Chích áp xe tầng sinh môn	x	
17.	13.48	Nong cổ tử cung do bế sản dịch	x	

TT	Số TT theo Thông tư 43/2013/TT-BYT và Thông tư 21/2017/TT-BYT	Danh mục kỹ thuật	Bác sỹ chỉ định và hộ sinh thực hiện độc lập	Hộ sinh ra chỉ định và thực hiện độc lập
		PHỤ KHOA- PHÁ THAI - KẾ HOẠCH HÓA GIA ĐÌNH		
18.	13.165	Khám phụ khoa	x	x
19.	13.148	Lấy dị vật âm đạo	x	x
20.	13.151	Chích áp xe tuyến Bartholin	x	
21.	13.241	Phá thai đến hết 7 tuần bằng phương pháp hút chân không	x	x
		SƠ SINH		
22.	13.189	Chiếu đèn điều trị vàng da sơ sinh	x	
23.	13.196	Khám phát hiện di tật ngoài trẻ sơ sinh		x
24.	13.196	Khám sàng lọc toàn thân cho trẻ sơ sinh để phát hiện những dấu hiệu bất thường của trẻ	x	
25.	13.197	Chăm sóc rốn sơ sinh		x
26.	13.198	Tắm trẻ sơ sinh		x
27.	13.192	Đặt ống thông dạ dày (hút dịch hoặc nuôi dưỡng) sơ sinh	x	
28.	13.199	Đặt sonde hậu môn trẻ sơ sinh	x	
29.	13.201	Hồi sức trẻ sơ sinh ngạt sau sinh	x	x
30.	13.202	Cố định tạm thời gãy xương trẻ sơ sinh	x	x
31.	13.190	Truyền máu sơ sinh	x	
		I. Chương chung		
32.	22.509	Chăm sóc catheter cố định		X
33.	1.11	Chăm sóc catheter động mạch		X
34.	1.10	Chăm sóc catheter tĩnh mạch		X
35.	1.323	Chăm sóc catheter tĩnh mạch trung tâm		X

TT	Số TT theo Thông tư 43/2013/TT-BYT và Thông tư 21/2017/TT-BYT	Danh mục kỹ thuật	Bác sỹ chỉ định và hộ sinh thực hiện độc lập	Hộ sinh ra chỉ định và thực hiện độc lập
36.	2.169	Chăm sóc catheter TMTT trong lọc máu		X
37.	1.76	Chăm sóc lỗ mở khí quản (một lần)	X	X
38.	1.75	Chăm sóc ống nội khí quản (một lần)	X	X
39.	12.334	Chăm sóc ống thông bàng quang		X
40.	2.241	Cho ăn qua ống mở thông dạ dày hoặc hồng tràng (một lần)	X	X
41.	1.224	Cho ăn qua ống thông dạ dày (một lần)	X	X
42.	1.6	Đặt catheter tĩnh mạch ngoại biên	X	X
43.	1.216	Đặt ống thông dạ dày	X	
44.	1.160	Đặt ống thông dẫn lưu bàng quang	X	X
45.	1.223	Đặt ống thông hậu môn	X	
46.	21.14	Điện tim thường	X	
47.	22.286	Định nhóm máu hệ ABO bằng giấy định nhóm máu để truyền chế phẩm tiểu cầu hoặc huyết tương	X	X
48.	22.285	Định nhóm máu hệ ABO bằng giấy định nhóm máu để truyền máu toàn phần, khối hồng cầu, khối bạch cầu	X	X
49.	22.288	Định nhóm máu hệ ABO trên thẻ định nhóm máu (đã có sẵn huyết thanh mẫu) để truyền chế phẩm tiểu cầu hoặc huyết tương	X	X
50.	22.287	Định nhóm máu hệ ABO trên thẻ định nhóm máu (đã có sẵn huyết thanh mẫu) để truyền máu toàn phần, khối hồng cầu, khối bạch cầu	X	X
51.	22.502	Định nhóm máu tại giường bệnh	X	X

TT	Số TT theo Thông tư 43/2013/TT-BYT và Thông tư 21/2017/TT-BYT	Danh mục kỹ thuật	Bác sỹ chỉ định và hộ sinh thực hiện độc lập	Hộ sinh ra chỉ định và thực hiện độc lập
		trước truyền máu		
52.	2.195	Đo lượng nước tiểu 24 giờ	X	X
53.	1.2	Ghi điện tim cấp cứu tại giường	X	X
54.	2.149	Gội đầu cho người bệnh trong các bệnh thần kinh tại giường		X
55.	2.150	Hút đờm hầu họng	X	X
56.	1.56	Hút đờm qua ống nội khí quản/canuyn mở khí quản bằng ống thông kín (có thở máy) (một lần hút)	X	X
57.	1.54	Hút đờm qua ống nội khí quản/canuyn mở khí quản bằng ống thông một lần ở người bệnh không thở máy (một lần hút)	X	X
58.	1.55	Hút đờm qua ống nội khí quản/canuyn mở khí quản bằng ống thông một lần ở người bệnh có thở máy (một lần hút)	X	X
59.	2.641	Hướng dẫn người bệnh sử dụng bình hít định liều	X	X
60.	2.642	Hướng dẫn người bệnh sử dụng bình xịt định liều	X	X
61.	2.30	Kỹ thuật ho khạc đờm bằng khí dung nước muối ưu trương	X	X
62.	2.29	Kỹ thuật tập thở cơ hoành	X	X
63.	2.31	Kỹ thuật vỗ rung dẫn lưu tư thế	X	X
64.	11.176	Kỹ thuật xoay chuyển bệnh nhân dự phòng loét tỳ đè		X
65.	15.222	Khí dung mũi họng	X	
66.	1.86	Khí dung thuốc cấp cứu (một lần)	X	X

TT	Số TT theo Thông tư 43/2013/TT-BYT và Thông tư 21/2017/TT-BYT	Danh mục kỹ thuật	Bác sỹ chỉ định và hộ sinh thực hiện độc lập	Hộ sinh ra chỉ định và thực hiện độc lập
67.		Khí dung thuốc giãn phế quản	X	
68.	1.87	Khí dung thuốc qua thở máy (một lần)	X	
69.	2.151	Lấy máu tĩnh mạch bẹn		X
70.	9.133	Lưu kim luôn tĩnh mạch để tiêm thuốc	X	X
71.	9.141	Nuôi dưỡng bằng đường tĩnh mạch	X	
72.	1.229	Nuôi dưỡng người bệnh bằng đường truyền tĩnh mạch ngoại biên ≤ 8 giờ	X	X
73.	1.230	Nuôi dưỡng người bệnh bằng đường truyền tĩnh mạch trung tâm ≤ 8 giờ	X	X
74.	1.227	Nuôi dưỡng người bệnh liên tục bằng máy truyền thức ăn qua ống thông dạ dày ≤ 8 giờ	X	X
75.	2.152	Nuôi dưỡng người bệnh liên tục bằng máy, truyền thức ăn qua thực quản, dạ dày	X	
76.	1.228	Nuôi dưỡng người bệnh qua lỗ mở dạ dày (một lần)	X	X
77.	1.226	Nuôi dưỡng người bệnh qua ống thông hồng tràng ≤ 8 giờ	X	X
78.	9.142	Nuôi dưỡng qua ống thông dạ dày		X
79.	9.143	Nuôi dưỡng qua ống thông hồng tràng		X
80.	2.233	Rửa bàng quang	X	
81.	1.218	Rửa dạ dày cấp cứu	X	X
82.	9.150	Săn sóc theo dõi ống thông tiểu		X
83.	12.79	Sơ cứu, cấp cứu tổn thương bỏng	X	X

TT	Số TT theo Thông tư 43/2013/TT-BYT và Thông tư 21/2017/TT-BYT	Danh mục kỹ thuật	Bác sỹ chỉ định và hộ sinh thực hiện độc lập	Hộ sinh ra chỉ định và thực hiện độc lập
		nhiệt+		
84.	2.163	Thay băng các vết loét hoại tử rộng sau TBMMN	X	X
85.	11.116	Thay băng điều trị vết thương mạn tính	X	X
86.	15.303	Thay băng vết mổ	X	X
87.	9.156	Theo dõi áp lực tĩnh mạch trung tâm	X	X
88.	1.3	Theo dõi điện tim cấp cứu tại giường liên tục ≤ 8 giờ	X	X
89.	9.176	Theo dõi huyết áp không xâm lấn bằng máy	X	X
90.	1.1	Theo dõi huyết áp liên tục không xâm nhập tại giường ≤ 8 giờ	X	X
91.	9.175	Theo dõi SpO ₂		X
92.	2.164	Theo dõi SPO ₂ liên tục tại giường	X	X
93.	1.28	Theo dõi SPO ₂ liên tục tại giường ≤ 8 giờ	X	X
94.	9.171	Theo dõi thân nhiệt với nhiệt kế thường qui		X
95.	1.62	Thở oxy dài hạn điều trị suy hô hấp mạn tính ≤ 8 giờ	X	
96.	1.57	Thở oxy qua gọng kính (≤ 8 giờ)	X	X
97.	1.60	Thở oxy qua mặt nạ có túi không hít lại (túi có van) (≤ 8 giờ)	X	X
98.	1.58	Thở oxy qua mặt nạ không có túi (≤ 8 giờ)	X	X
99.	9.185	Thở oxy qua mũ kín	X	X
100.	1.61	Thở oxy qua ống chữ T (T-tube) (≤ 8 giờ)	X	X

TT	Số TT theo Thông tư 43/2013/TT-BYT và Thông tư 21/2017/TT-BYT	Danh mục kỹ thuật	Bác sỹ chỉ định và hộ sinh thực hiện độc lập	Hộ sinh ra chỉ định và thực hiện độc lập
101.	1.59	Thở ô xy qua mặt nạ có túi có hít lại (túi không có van) (£ 8 giờ)	X	X
102.	1.222	Thụt giữ	X	
103.	2.338	Thụt tháo chuẩn bị sạch đại tràng	X	
104.	2.339	Thụt tháo phân	X	X
105.	9.196	Truyền dịch thường qui	X	
106.	9.197	Truyền dịch trong sốc	X	
107.	22.679	Truyền khối tiểu cầu có sử dụng bộ lọc bạch cầu tại giường	X	
108.	9.198	Truyền máu hoặc sản phẩm máu thường qui	X	
109.	22.501	Truyền máu tại giường bệnh (bệnh nhân điều trị nội - ngoại trú)	X	
110.	22.677	Truyền máu toàn phần có sử dụng bộ lọc bạch cầu tại giường	X	
111.	9.200	Truyền máu trong sốc	X	
112.	9.204	Vệ sinh miệng ở bệnh nhân hồi sức		X
113.	2.165	Vệ sinh răng miệng bệnh nhân thần kinh tại giường		X
114.	2.166	Xoa bóp phòng chống loét trong các bệnh thần kinh (một ngày)		X
115.	9.124	Xoay trở bệnh nhân thở máy	X	X
		III. Ngoại khoa. Bỏng. Tạo hình thẩm mỹ		
116.	10.992	Bột Corset Minerve,Cravate	X	X
117.	9.89	Đặt dây truyền dịch ngoại vi điều trị bệnh nhân bỏng	X	
118.	11.131	Đặt vị thế cho bệnh nhân bỏng	X	X
119.	10.986	Nắn, bó bột gãy cổ xương đùi, vỡ ổ	X	

TT	Số TT theo Thông tư 43/2013/TT-BYT và Thông tư 21/2017/TT-BYT	Danh mục kỹ thuật	Bác sỹ chỉ định và hộ sinh thực hiện độc lập	Hộ sinh ra chỉ định và thực hiện độc lập
		cổ và trật khớp háng		
120.	10. 1009	Nắn, bó bột gãy xương bàn, ngón tay	X	
121.	10. 1032	Nẹp bột các loại, không nắn	X	
122.	2.232	Rửa bàng quang lấy máu cục	X	
123.	11.13	Sử dụng thuốc tạo màng điều trị vết thương bỏng nông	X	
124.	11.97	Tắm điều trị bệnh nhân bỏng	X	X
125.	11.12	Thay băng chăm sóc vùng lấy da	X	X
126.	11.5	Thay băng điều trị vết bỏng dưới 10% diện tích cơ thể ở người lớn	X	X
127.	11.10	Thay băng điều trị vết bỏng dưới 10% diện tích cơ thể ở trẻ em	X	X
128.	11.4	Thay băng điều trị vết bỏng từ 10% - 19% diện tích cơ thể ở người lớn	X	X
129.	2.508	Thay băng vết loét do vỡ hạt topho	X	X
130.	9.91	Theo dõi chăm sóc người bệnh bỏng nặng	X	X
131.	12.80	Xử lý tại chỗ kì đầu tổn thương bỏng	X	X

SỞ Y TẾ TỈNH KON TUM
BỆNH VIỆN ĐA KHOA TỈNH

CHƯƠNG TRÌNH, NỘI DUNG THỰC HÀNH
ĐỐI VỚI ĐIỀU DƯỠNG VÀ HỘ SINH

Tên chương trình: Chương trình nội dung thực hành khám bệnh, chữa bệnh đối với Điều dưỡng và Hộ sinh.

Ngành đào tạo: Điều dưỡng và Hộ sinh chưa có chứng chỉ hành nghề

Thời gian: 06 tháng

Kon Tum, năm 2024

CHƯƠNG TRÌNH NỘI DUNG THỰC HÀNH ĐỐI VỚI ĐIỀU DƯỠNG VÀ HỘ SINH

1. Tên khóa học và giới thiệu chung về khóa học Chương trình nội dung thực hành khám bệnh, chữa bệnh đối với Điều dưỡng và Hộ sinh.

Chương trình thực hành khám bệnh, chữa bệnh được xây dựng trên các chuẩn năng lực giúp người thực hành sau khi khóa học có khả năng đáp ứng về Tiêu chuẩn năng lực cơ bản sau đây:

- Năng lực chuyên môn: chăm sóc người bệnh và thực hành kỹ thuật cơ bản trên người bệnh đảm bảo an toàn, dựa trên bằng chứng.
- Thực hiện đầy đủ và hiệu quả các quy định về an toàn và kiểm soát nhiễm khuẩn khi chăm sóc người bệnh.
- Thực hành giao tiếp, tư vấn, giáo dục sức khỏe với người bệnh, gia đình người bệnh; giao tiếp với đồng nghiệp, cấp trên phù hợp và hiệu quả; có khả năng làm việc nhóm.
- Năng lực quản lý và cải tiến chất lượng chăm sóc: Tham gia cải tiến, quản lý và sử dụng hiệu quả các nguồn lực thuộc lĩnh vực chăm sóc được phân công.
- Tuân thủ đúng các quy định của Pháp luật và chuẩn đạo đức nghề nghiệp của điều dưỡng viên trong quá trình thực hành lâm sàng và hành nghề.

2. Đối tượng, yêu cầu đầu vào đối với học viên

Người có văn bằng Điều dưỡng và Hộ sinh có nhu cầu thực hành để cấp giấy phép hành nghề.

Học viên được tham dự khóa học khi có đủ điều kiện sau:

- Có bằng Điều dưỡng và Hộ sinh.
- Được cơ quan/đơn vị quản lý cử đi học hoặc đơn xin thực hành của cá nhân (học viên mới tốt nghiệp ra trường)
- Không thuộc một trong các trường hợp sau đây:
 - + Đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự, đang chấp hành bản án, quyết định của Tòa án;
 - + Bị hạn chế năng lực hành vi dân sự.

3. Mục tiêu khóa học

3.1. Mục tiêu chung:

Bổ sung và cập nhật kiến thức, kỹ năng, thái độ cho người hành nghề khám bệnh, chữa bệnh trong các cơ sở khám bệnh, có khả năng làm việc độc lập, sáng tạo, tự học và nghiên cứu khoa học đáp ứng nhu cầu bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân.

3.1. Mục tiêu cụ thể:

2.2.1 Kiến thức:

- Giải thích được các bước của quy trình điều dưỡng.
- Trình bày được các quy định về quản lý, vận hành, bảo dưỡng và sử dụng các nguồn lực chăm sóc người bệnh.
- Nhận dạng được các tình huống áp dụng phòng ngừa chuẩn trong chăm sóc người bệnh.
- Nhận dạng được các hành vi nguy cơ và các giải pháp đảm bảo an toàn người bệnh liên quan đến công tác điều dưỡng.
- Xác định được nhu cầu tư vấn, giáo dục sức khỏe phù hợp với người bệnh và gia đình người bệnh.
- Trình bày được các văn bản quy phạm pháp luật, các quy định liên quan đến công tác điều dưỡng.

2.2.2. Kỹ năng

- Áp dụng được quy trình điều dưỡng và thực hành dựa trên bằng chứng trong chăm sóc người bệnh (khám nhận định người bệnh và xác định đúng vấn đề chăm sóc; lập kế hoạch chăm sóc, thực hiện kế hoạch và lượng giá phù hợp với người bệnh).
- Thực hiện các kỹ thuật điều dưỡng cơ bản trên người bệnh đảm bảo an toàn và hiệu quả.
- Phát hiện sớm các diễn biến bất thường trên người bệnh, phản vệ, ngừng tuần hoàn, ngừng hô hấp), ra quyết định xử trí ban đầu và phối hợp với các thành viên trong nhóm thực hiện sơ cứu, cấp cứu kịp thời và hiệu quả.
- Thực hiện đúng quy trình thực hành phòng ngừa chuẩn và kiểm soát nhiễm khuẩn bệnh viện.
- Thực hiện đúng các quy định về an toàn người bệnh trong thực hành chăm sóc và báo cáo sự cố y khoa.
- Giao tiếp công sở, giao tiếp với người bệnh/GĐ người bệnh phù hợp với văn hóa, tín ngưỡng; giao tiếp được với người bệnh có trở ngại (hôn mê, tâm thần, khiếm thính, khiếm thị...).
- Cung cấp thông tin liên quan tới chăm sóc cho người bệnh/ gia đình người bệnh đầy đủ và kịp thời; Giáo dục sức khỏe và tư vấn cho người bệnh/ gia đình NB phù hợp.
- Vận hành và bảo quản các thiết bị chuyên môn liên quan tới công việc đúng quy trình, đúng quy định, đảm bảo an toàn hiệu quả.
- Thực hiện ghi chép, quản lý hồ sơ bệnh án đúng quy định,
- Hợp tác làm việc theo nhóm trong chăm sóc người bệnh.
- Ứng dụng được công nghệ thông tin vào công tác chăm sóc người bệnh.

- Áp dụng được Chuẩn năng lực cơ bản của Điều dưỡng VN vào chăm sóc người bệnh.

2.2.3. Thái độ

- Tuân thủ đúng các quy định của pháp luật liên quan và Tiêu chuẩn đạo đức khi thực hành nghề nghiệp.

- Tự giác học tập liên tục để duy trì, phát triển năng lực cho bản thân và nghề nghiệp.

- Tác phong cẩn thận, tỉ mỉ, trung thực và tôn trọng, hợp tác với người bệnh và đồng nghiệp; đảm bảo an toàn khi chăm sóc người bệnh; chịu trách nhiệm cá nhân khi thực hành nghề nghiệp.

4. Chương trình chi tiết: (Gồm 710 giờ: 228 giờ lý thuyết và 482 giờ thực hành)

Số TT	Tên bài	Mục tiêu bài học	Số tín chỉ/tiết học			
			Tổng số	Lý thuyết	Thực hành	
					Lab	BP (BN)
1	Bài 1: Giới thiệu tổ chức, quy định bệnh viện; Chương trình đào tạo, phương pháp học thực hành lâm sàng.	1. Mô tả được cơ cấu tổ chức bệnh viện và nhận dạng được vị trí các khoa phòng, khu vực chuyên môn, hậu cần kỹ thuật trong bệnh viện. 2. Trình bày được các quy định của bệnh viện. 3. Trình bày được mục tiêu đào tạo thực hành lâm sàng cho điều dưỡng mới 4. Trình bày được các yêu cầu và nội dung thực hành lâm sàng đối với ĐDV mới. 5. Thực hiện hiệu quả các kỹ năng, phương pháp học và tự đánh giá lâm sàng vào quá trình học thực hành, lâm sàng. 6. Viết báo cáo: nhận thức về vai trò, trách nhiệm của điều dưỡng viên mới đối với bệnh viện trong quá trình thực	4	2		2
	Bài 2: Chuẩn năng lực cơ bản của Điều dưỡng Việt Nam.	1. Trình bày được các nội dung Chuẩn năng lực cơ bản của Điều	2	2		

		dưỡng Việt Nam; 2. Áp dụng các tiêu chuẩn/ tiêu chí của “Chuẩn năng lực...” vào thực hành chăm sóc người bệnh; 3. Sử dụng được Bảng kiểm tự đánh giá năng lực bản thân theo chuẩn năng lực cơ bản của ĐDVN.				
	Bài 3: Áp dụng Chuẩn đạo đức của Điều dưỡng Việt Nam vào thực hành chăm sóc người bệnh	1. Nhận biết được các tình huống liên quan tới đạo đức nghề nghiệp trong thực hành chăm sóc người bệnh 2. Áp dụng “Chuẩn đạo đức nghề nghiệp của ĐDVN” vào thực hành chăm sóc người bệnh	4	2		2
	Bài 4: Các Quy định liên quan tới hành nghề Điều dưỡng và chăm sóc người bệnh	1. Trình bày được các quy định về nguyên tắc hành nghề, các hành vi bị cấm trong khám chữa bệnh và thực hành chăm sóc người bệnh 2. Trình bày được các quy định về quyền, nghĩa vụ của người bệnh và của người hành nghề 3. Phân tích được các nhiệm vụ và phạm vi hoạt động chuyên môn của điều dưỡng theo hạng viên chức 4. Áp dụng và thực hiện các quy định pháp lý, quy định của bệnh viện liên quan tới hành nghề điều dưỡng vào thực tế chăm sóc người bệnh	4	4		
	Bài 5: Áp dụng Phòng ngừa chuẩn trong chăm sóc người bệnh	1. Trình bày được định nghĩa, nguyên tắc và các nội dung phòng ngừa chuẩn. 2. Nhận dạng được các tình huống cần áp dụng phòng ngừa chuẩn trong CSNB 3. Thực hành đúng các quy định	24	8		16

		phòng ngừa chuẩn phù hợp với thực tế tại bệnh viện 4. Lựa chọn và sử dụng các phương tiện phòng hộ cá nhân phù hợp với các tình huống CSNB 5. Phân loại đúng chất thải rắn y tế.				
	Bài 6: Phòng ngừa sự cố y khoa liên quan đến chăm sóc người bệnh	1. Trình bày được định nghĩa, tần suất và các sự cố y khoa hay gặp 2. Phân loại được sự cố y khoa 3. Thực hiện đúng các quy định/quy trình phòng ngừa sự cố y khoa 4. Tự nguyện báo cáo sự cố y khoa và học tập từ thất bại.	24	8		16
	Bài 7: Chăm sóc giảm đau	1. Nhận biết được các yếu tố ảnh hưởng tới đau. 2. Sử dụng được công cụ lượng giá đau để lượng giá người bệnh. 3. Thực hiện được các phương pháp kiểm soát đau khi chăm sóc người bệnh và hướng dẫn người bệnh /gia đình NB tham gia kiểm soát đau.	8	2		6
	Bài 8: Áp dụng Quy trình điều dưỡng và thực hành dựa trên bằng chứng trong chăm sóc người bệnh	1. Giải thích được các bước của QTDD 2. Trình bày được khái niệm, ý nghĩa của thực hành dựa trên bằng chứng; các bước áp dụng thực hành dựa trên bằng chứng vào chăm sóc người bệnh; 3. Vận dụng được QTDD vào lập KHCS và thực hiện chăm sóc người bệnh – phù hợp với tình trạng người bệnh và thời điểm chăm sóc. 4. Sử dụng được bằng chứng	8	4		4

		trong chăm sóc người bệnh.				
	Bài 9: Đón tiếp người bệnh, chuyển viện, xuất viện	1. Thực hiện đúng quy trình khi tiếp đón người bệnh tại phòng khám/khoa điều trị, cho người bệnh chuyển khoa, chuyển viện, xuất viện 2. Thể hiện khả năng giao tiếp phù hợp, tác phong chu đáo, tuân thủ các quy định khi đón tiếp, chuyển viện, xuất viện cho người bệnh.	12	2		10
	Bài 10: Theo dõi dấu hiệu sinh tồn	1. Thực hiện các kỹ thuật theo dõi mạch, nhịp thở, huyết áp, thân nhiệt đúng quy trình, phù hợp với tình trạng người bệnh. 2. Nhận định được các dấu hiệu sinh tồn bất thường và đưa ra các quyết định xử lý phù hợp 3. Tư vấn được cho NB và GD cách theo dõi và chăm sóc khi dấu hiệu sinh tồn bất thường	12	2		10
	Bài 11: Lấy bệnh phẩm làm xét nghiệm (máu, đờm, phân, nước tiểu)	1. Thực hiện các kỹ thuật lấy bệnh phẩm xét nghiệm đúng quy trình và hiệu quả. 2. Hướng dẫn được người bệnh/gia đình NB lấy một số loại bệnh phẩm (đờm, phân, nước tiểu) theo đúng yêu cầu kỹ thuật	12	2		10
	Bài 12: Hỗ trợ vệ sinh cho người bệnh	1. Nhận định được nhu cầu của người bệnh về chăm sóc vệ sinh 2. Thực hiện các kỹ thuật vệ sinh răng miệng, tắm, gội, thay quần áo đảm bảo đúng quy trình, phù hợp với tình trạng người bệnh. 3. Hướng dẫn được người bệnh/gia đình thực hiện chăm sóc vệ sinh phù hợp với nhu cầu của người bệnh.	16	4		12

	Bài 13: Hỗ trợ người bệnh di chuyển	1. Nhận định người bệnh; chọn phương tiện vận chuyển phù hợp với các kỹ thuật hỗ trợ người bệnh di chuyển 2. Thực hiện/ phối hợp thực hiện các kỹ thuật hỗ trợ người bệnh di chuyển: đảm bảo đúng quy trình và an toàn.	12	2		10
	Bài 14: Hỗ trợ người bệnh ăn uống	1. Nhận định được nhu cầu của người bệnh về áp dụng các biện pháp hỗ trợ ăn uống. 2. Thực hiện các kỹ thuật hỗ trợ người bệnh ăn/uống: đảm bảo đúng quy trình, an toàn và phù hợp với tình trạng người bệnh 3. Hướng dẫn được gia đình người bệnh hỗ trợ người bệnh ăn/uống phù hợp với người bệnh và theo đúng yêu cầu kỹ thuật.	12	2		10
	Bài 15: Kỹ thuật dùng thuốc cho người bệnh	1. Nhận định được người bệnh trước khi dùng thuốc; 2. Thực hiện hiệu quả, an toàn, đúng quy trình các kỹ thuật cho người bệnh uống thuốc, tiêm thuốc. 3. Phát hiện sớm những biểu hiện bất thường trên người bệnh khi dùng thuốc và đưa ra quyết định xử lý phù hợp.	20	4		16
	Bài 16: Kỹ thuật truyền dịch, truyền máu	1. Thực hiện đúng các nguyên tắc khi truyền dịch, truyền máu. 2. Thực hiện hiệu quả, an toàn, đúng quy trình kỹ thuật truyền dịch, truyền máu cho người bệnh 3. Theo dõi được người bệnh trong và sau khi truyền dịch, truyền máu, phát hiện sớm những biểu hiện bất thường trên người bệnh và đưa ra quyết định xử lý	48	16		32

		phù hợp				
	Bài 17: Theo dõi lượng dịch vào ra	1. Nhận định được người bệnh cần phải theo dõi lượng dịch vào, ra 2. Thực hiện đúng quy trình kỹ thuật theo dõi dịch vào, ra 3. Hướng dẫn được người bệnh/gia đình người bệnh thực hiện theo dõi dịch vào ra theo đúng yêu cầu kỹ thuật.	8	2		6
	Bài 18: Kỹ thuật chăm sóc vết thương và ống dẫn lưu	1. Khám nhận định và phân loại được các loại vết thương. 2. Thực hiện các kỹ thuật chăm sóc vết thương sạch trên người bệnh: đúng quy trình, đảm bảo an toàn	24	8		16
	Bài 19: Dự phòng và chăm sóc loét tỳ đè cho người bệnh	1. Khám nhận định được dấu hiệu các mức độ loét tỳ đè 2. Sử dụng thang đo Braden để đánh giá mức độ nguy cơ loét tỳ đè của người bệnh 3. Thực hiện chăm sóc loét tỳ đè độ I, II cho người bệnh theo đúng quy trình kỹ thuật và an toàn 4. Hướng dẫn được người bệnh và gia đình NB chăm sóc dự phòng loét tỳ đè	24	8		16
	Bài 20: Chăm sóc bài tiết	1. Nhận định được nhu cầu của người bệnh về áp dụng các biện pháp chăm sóc bài tiết 2. Thực hiện các kỹ thuật hỗ trợ bài tiết, thông tiểu, dẫn lưu nước tiểu, thụt tháo: đảm bảo đúng quy trình, an toàn và phù hợp với tình trạng người bệnh. 3. Hướng dẫn được người bệnh/gia đình sử dụng bô đại tiện, bô tiểu, sử dụng Uridom dẫn lưu	24	8		16

		nước tiểu phù hợp với nhu cầu bài tiết của người bệnh.				
	Bài 21: Quy định về ghi chép quản lý hồ sơ bệnh án và các biểu mẫu chăm sóc	1. Trình bày được các nguyên tắc ghi chép, sử dụng, bảo quản, lưu giữ hồ sơ bệnh án và các mẫu chăm sóc người bệnh. 2. Giải thích được quyền của người bệnh được cung cấp các thông tin tóm tắt trong hồ sơ 3. Tuân thủ đúng các nguyên tắc và quy định khi ghi chép, sử dụng, bảo quản hồ sơ người bệnh	24	8		16
	Bài 22: Sử dụng và quản lý các máy y tế: Monitor, máy truyền dịch, máy bơm tiêm điện, máy điện tim	1. Sử dụng các máy theo dõi và chăm sóc người bệnh (monitor, máy truyền dịch, máy bơm tiêm điện, máy điện tim) đảm bảo đúng quy trình, hiệu quả, an toàn, 2. Nhận định được các dấu hiệu bất thường khi theo dõi và chăm sóc người bệnh; đưa ra cách xử lý phù hợp. 3. Quản lý máy theo dõi và chăm sóc người bệnh đúng quy định	48	16		32
	Bài 23: Quản lý thuốc và vật tư tiêu hao y tế	1. Trình bày được các quy định, quy trình quản lý thuốc dùng cho người bệnh của điều dưỡng (nhập thông tin, nhận, bàn giao, thực hiện thuốc cho NB, bảo quản, báo cáo sử dụng thuốc) 2. Trình bày được nội dung quy trình quản lý vật tư tiêu hao y tế của điều dưỡng (dự trù, lĩnh, cấp phát và bảo quản). 3. Thực hiện đúng và chịu trách nhiệm cá nhân khi quản lý thuốc và vật tư tiêu hao.	24	8		16
	Bài 24: Đánh giá người bệnh hôn mê dựa vào thang điểm	1. Giải thích được các bước đánh giá người bệnh theo thang điểm Glasgow.	48	16		32

	Glasgow	2. Thực hiện được kỹ năng đánh giá người bệnh theo thang điểm Glasgow.				
	Bài 25: Kỹ thuật hỗ trợ hô hấp và quản lý đường thở	1. Nhận biết được các trường hợp người bệnh cần phải hút thông đường hô hấp, thở oxy, bóp bóng 2. Thực hiện hiệu quả các kỹ thuật hút thông đường hô hấp, thở oxy, bóp bóng giúp thở 3. Thể hiện thái độ khẩn trương, chính xác, an toàn khi thực hiện các kỹ thuật hỗ trợ hô hấp	48	16		32
	Bài 26: Cấp cứu ngừng tuần hoàn hô hấp (BLS: Basic life support)	1. Phát hiện sớm nạn nhân ngừng tuần hoàn 2. Thực hiện hiệu quả kỹ thuật cấp cứu ngừng TH; theo dõi, chăm sóc được người bệnh sau khi cấp cứu 3. Thể hiện thái độ khẩn trương, chính xác, phối hợp hiệu quả khi cấp cứu ngừng TH.	48	16		32
	Bài 27: Phòng và xử trí phản vệ	1. Phát hiện sớm triệu chứng các mức độ phản vệ 2. Thực hiện được phòng ngừa phản vệ cho người bệnh trước khi dùng thuốc 3. Thực hiện được xử trí cấp cứu ban đầu phản vệ độ 1, 2. 4. Thể hiện thái độ khẩn trương, chính xác, và phối hợp làm việc nhóm khi cấp cứu phản vệ	24	8		16
	Bài 28: Kỹ năng giao tiếp trong chăm sóc người bệnh	1. Trình bày được kỹ năng giao tiếp cơ bản và những điểm cần lưu ý trong giao tiếp của người điều dưỡng 2. Trình bày được nội dung chủ yếu của kỹ năng thông báo tin xấu.	48	16		32

		3. Nhận xét được các tình huống giao tiếp của điều dưỡng trong thực hành. 4. Thực hiện giao tiếp phù hợp, hiệu quả trong chăm sóc người bệnh (giao tiếp với NB/gia đình NB, với đồng nghiệp; bao gồm cả kỹ năng thông báo tin xấu)				
	Bài 29: Kỹ năng truyền thông tư vấn giáo dục sức khỏe	1. Trình bày được một số điểm cơ bản về truyền thông giáo dục sức khỏe liên quan đến hoạt động của điều dưỡng: ý nghĩa của truyền thông giáo dục sức khỏe; các kỹ năng truyền thông; các yêu cầu làm cho truyền thông, tư vấn hiệu quả 2. Lập kế hoạch và thực hiện kế hoạch tư vấn phù hợp, hiệu quả với người bệnh/gia đình người bệnh khi xuất viện. 3. Thể hiện sự hiểu biết về chủ đề tư vấn, giáo dục sức khỏe; thái độ thân thiện, cởi mở, tôn trọng khi thực hiện tư vấn giáo dục sức khỏe.	48	16		32
	Bài 30: Kỹ năng làm việc nhóm trong chăm sóc y tế	1. Trình bày được 6 lợi ích của làm việc nhóm trong chăm sóc sức khỏe 2. Phân tích được 4 giai đoạn hình thành và phát triển nhóm 3. Thảo luận các biện pháp tăng cường hiệu quả nhóm	48	16		32
			710	228		482

5. Tiêu chuẩn người hướng dẫn

5.1. Tiêu chuẩn người hướng dẫn thực hành

- Có chứng chỉ hành nghề điều dưỡng;
- Có phạm vi hoạt động chuyên môn phù hợp với văn bằng của người thực hành, có trình độ đào tạo tương đương hoặc cao hơn người thực hành

- Có thời gian hành nghề khám bệnh, chữa bệnh liên tục từ 03 năm trở lên.

- Hoàn thành khóa “Đào tạo người hướng dẫn thực hành lâm sàng cho điều dưỡng viên mới”, hoặc có Chứng chỉ về phương pháp dạy-học lâm sàng tương đương.

5.2. Trách nhiệm của người hướng dẫn thực hành

- Hướng dẫn thực hành cho người thực hành;
- Nhận xét về kết quả thực hành và chịu trách nhiệm về nội dung nhận xét của mình;
- Chịu trách nhiệm trong trường hợp người thực hành gây sai sót chuyên môn trong quá trình thực hành, gây ảnh hưởng đến sức khỏe của người bệnh do lỗi của người hướng dẫn thực hành.
- Thực hiện kế hoạch hướng dẫn điều dưỡng viên mới theo Kế hoạch đào tạo của Bệnh viện.

6. Hướng dẫn tổ chức thực hiện chương trình

6.1. Tổ chức tiếp nhận học viên

- Tiếp nhận người thực hành: Người thực hành phải có đơn đề nghị thực hành và bản sao hợp lệ văn bằng chuyên môn liên quan đến y tế gửi đến cơ sở khám bệnh, chữa bệnh nơi đăng ký thực hành; Sau khi nhận được đơn đề nghị thực hành, nếu đồng ý tiếp nhận, người đứng đầu của cơ sở khám, chữa bệnh có trách nhiệm ký hợp đồng thực hành với người thực hành.

- Phân công người hướng dẫn thực hành: Người đứng đầu cơ sở khám bệnh, chữa bệnh ra quyết định phân công người hướng dẫn thực hành. Một người hướng dẫn thực hành chỉ được hướng dẫn tối đa là 05 người thực hành trong cùng một thời điểm.

6.2. Lập kế hoạch tổng thể khóa học

- Quá trình thực hành lâm sàng của điều dưỡng viên mới sẽ được chia thành 3 giai đoạn: Giai đoạn I (tháng thứ 1-3), giai đoạn II (tháng thứ 4-6), giai đoạn III (tháng thứ 7-9). Tham khảo Phụ lục 1 về lập kế hoạch tổng thể khóa học.

- Số lượng học viên một khóa đào tạo tại một bệnh viện không quá 30 học viên. Tùy theo năng lực của bệnh viện và nhu cầu người học có thể tổ chức nhiều khóa học trong năm nhưng phải đảm bảo các yêu cầu về chất lượng đào tạo như phải có đủ người hướng dẫn, số khoa lâm sàng/giường bệnh, cơ sở vật chất.

- Thời gian đào tạo: đảm bảo tham gia học liên tục trong thời gian đủ 09 tháng.

6.3. Tổ chức dạy - học lý thuyết

Tổ chức học lý thuyết phải đảm bảo nguyên tắc:

- Phát huy tính tự chủ, tự nghiên cứu của điều dưỡng viên mới, đặc biệt là đối với những bài lý thuyết đã được học trong trường học viên phải tự nghiên cứu, tìm tòi tài liệu đọc thêm để hiểu vấn đề sâu hơn và ứng dụng thực tế tốt hơn.

- Người hướng dẫn có trách nhiệm hỗ trợ để củng cố thêm phần lý thuyết trong quá trình điều dưỡng viên mới thực hành.

- Cập nhật kiến thức, những văn bản mới nhất, phù hợp với thực tế.

- Tăng cường áp dụng phương pháp thảo luận nhóm và sử dụng nghiên cứu ca bệnh để dạy-học, tránh thuyết trình lại lý thuyết.

- Người hướng dẫn có trách nhiệm cập nhật các quy trình, kỹ thuật CSNB theo quy định của bệnh viện hoặc của Bộ Y tế để hướng dẫn thực hành cho điều dưỡng viên mới.

6.4. Tổ chức học thực hành, lâm sàng

- Bố trí học thực hành tiền lâm sàng trước khi học lâm sàng. Những bệnh viện không có phòng tiền lâm sàng hoặc phòng tiền lâm sàng không đáp ứng đủ thì nên phối hợp với bệnh viện khác, hoặc Trường đào tạo điều dưỡng để thực hiện chương trình đào tạo.

- Mỗi điều dưỡng viên mới phải thực hành lâm sàng đủ các nội dung trong chương trình đào tạo tại các khoa lâm sàng. Cần bố trí sắp xếp cho điều dưỡng viên mới học luân khoa phù hợp với điều kiện thực tế của bệnh viện; khuyến khích học luân khoa để học viên được học các kỹ năng và tình huống lâm sàng.

- Tại mỗi khoa lâm sàng, Điều dưỡng Trưởng cần phân công người hướng dẫn thường xuyên hỗ trợ, động viên để điều dưỡng viên mới tự tin và hăng say học tập.

- Thông qua theo dõi thực hành hàng ngày của điều dưỡng viên mới, người phụ trách đào tạo và người hướng dẫn có kế hoạch sắp xếp, hỗ trợ để điều dưỡng viên mới hoàn thành chỉ tiêu, nội dung học tập tại mỗi khoa.

- Điều dưỡng viên mới thực tập tại các khoa lâm sàng, được phân công theo nhóm làm việc cùng với nhân viên trong khoa. Ngoài ra, điều dưỡng viên mới phát huy tính tự chủ, tự học và vận dụng kinh nghiệm đã học vào việc chăm sóc người bệnh.

- Khi học thực hành, lâm sàng, người hướng dẫn yêu cầu học viên đọc trước, nêu ý kiến thảo luận về các vấn đề lý thuyết liên quan, về quy trình, bảng kiểm thực hành. Sau đó học viên thực hành dưới sự hướng dẫn, hỗ trợ của người hướng dẫn. Trong khi học thực hành lâm sàng, học viên sử dụng bảng kiểm để tự đánh giá theo nhóm.

- Sau khi học mỗi bài thực hành: Người hướng dẫn yêu cầu học viên/nhóm học viên thực hành với sự quan sát của người hướng dẫn và các học viên

khác, sau đó thảo luận, đưa ý kiến phản hồi giúp học viên/ nhóm học viên tiếp tục học tập để hoàn thiện kỹ năng.

6.5. Phân bố thời gian:

Tổng thời gian thực hành khám bệnh, chữa bệnh là 06 tháng được phân bổ theo từng chuyên khoa như sau:

6.2.1. Đối với Điều dưỡng

- Thời gian thực hành khám bệnh, chữa bệnh về Hồi sức cấp cứu: 01 tháng;

- Thời gian thực hành khám bệnh, chữa bệnh về Ngoại khoa: 02 tháng;

- Thời gian thực hành khám bệnh, chữa bệnh Nội khoa: 03 tháng;

6.2.1. Đối Hộ sinh

- Thời gian thực hành khám bệnh, chữa bệnh về Hồi sức cấp cứu: 01 tháng;

- Thời gian thực hành khám bệnh, chữa bệnh về Sản phụ khoa: 02 tháng;

7. Đánh giá và cấp giấy xác nhận thực hành

7.1. Các hình thức đánh giá trong khóa học:

- Học viên sẽ được kiểm tra đầu khóa học để đánh giá chất lượng học viên đầu vào.

- Trong quá trình tổ chức khóa học, học viên sẽ được theo dõi, đánh giá về ý thức học tập.

- Đánh giá kỹ năng thực hành tại các buổi thực hành tại các địa điểm được thực hành.

- Kết thúc khóa học sẽ thực hiện bài đánh giá cuối khóa học.

- Tổng hợp các kết quả đánh giá, Ban Tổ chức sẽ căn cứ để xếp loại học viên hoàn thành các phần đánh giá.

7.2. Cấp Giấy xác nhận thời gian thực hành tại cơ sở thực hành:

Học viên hoàn thành khóa học đủ thời gian và đạt yêu cầu sẽ được cấp Giấy xác nhận quá trình thực hành cho người đã hoàn thành thời gian thực hành

a) Điều kiện được cấp giấy xác nhận

- Chuẩn bị đầy đủ những nội dung theo yêu cầu trước khóa học.

- Không vắng quá 12 ngày trong thời gian thực hành.

- Hoàn thành bài tập về nhà được giao trong quá trình học.

- Hoàn thành bài kiểm tra lượng giá cuối khóa học, trong đó điểm đánh giá kiểm tra toàn khóa đạt yêu cầu trên 60% tổng số điểm, bao gồm:

b) Tỷ lệ đánh giá trong khóa học

- Tham gia đầy đủ các buổi học: 20%.
- Tham gia tích cực các bài tập thực hành: 20%.
- Điểm thi kiểm tra cuối khóa học: 60%.

8. Chỉ tiêu thực hành (kỹ năng cần đạt khi kết thúc khoá học).

(có phụ lục kèm theo)

BAN SOẠN THẢO CHƯƠNG TRÌNH